

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**



ĐẠM HÀ BẮC

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

BẮC GIANG – 2021

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Tên tiếng Anh	:	Habac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	HANICHEMCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21/12/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 09/10/2019.
Vốn điều lệ	:	2.722.000.000.000 đồng (Hai nghìn bảy trăm hai mươi hai tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	:	272.200.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Số điện thoại	:	(+84-204) 3854538
Số fax	:	(+84-204) 3855018
Website	:	http://damhabac.com.vn/

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (HANICHEMCO) tiền thân là Nhà máy Phân đạm Hà Bắc được khởi công xây dựng từ đầu năm 1960. Qua 59 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đã nhiều lần thay đổi về tên gọi, như sau:

- Nhà máy Phân đạm Hà Bắc
- Xí nghiệp Liên hợp Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc
- Công ty Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc

Ngày 30/10/1977, Phó Thủ tướng Đỗ Mười cắt băng khánh thành Nhà máy Phân đạm Hà Bắc, “đứa con đầu lòng” của ngành sản xuất đạm Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 38/2006/QĐ-BCN ngày 20/10/2006 của Bộ Công nghiệp, Công ty đã chuyển hình thức hoạt động từ công ty thành viên hoạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam thành Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV. Chủ sở hữu của Công ty là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Ngày 01/01/2016, chuyển Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh phân đạm Urê và NH_3 lỏng.

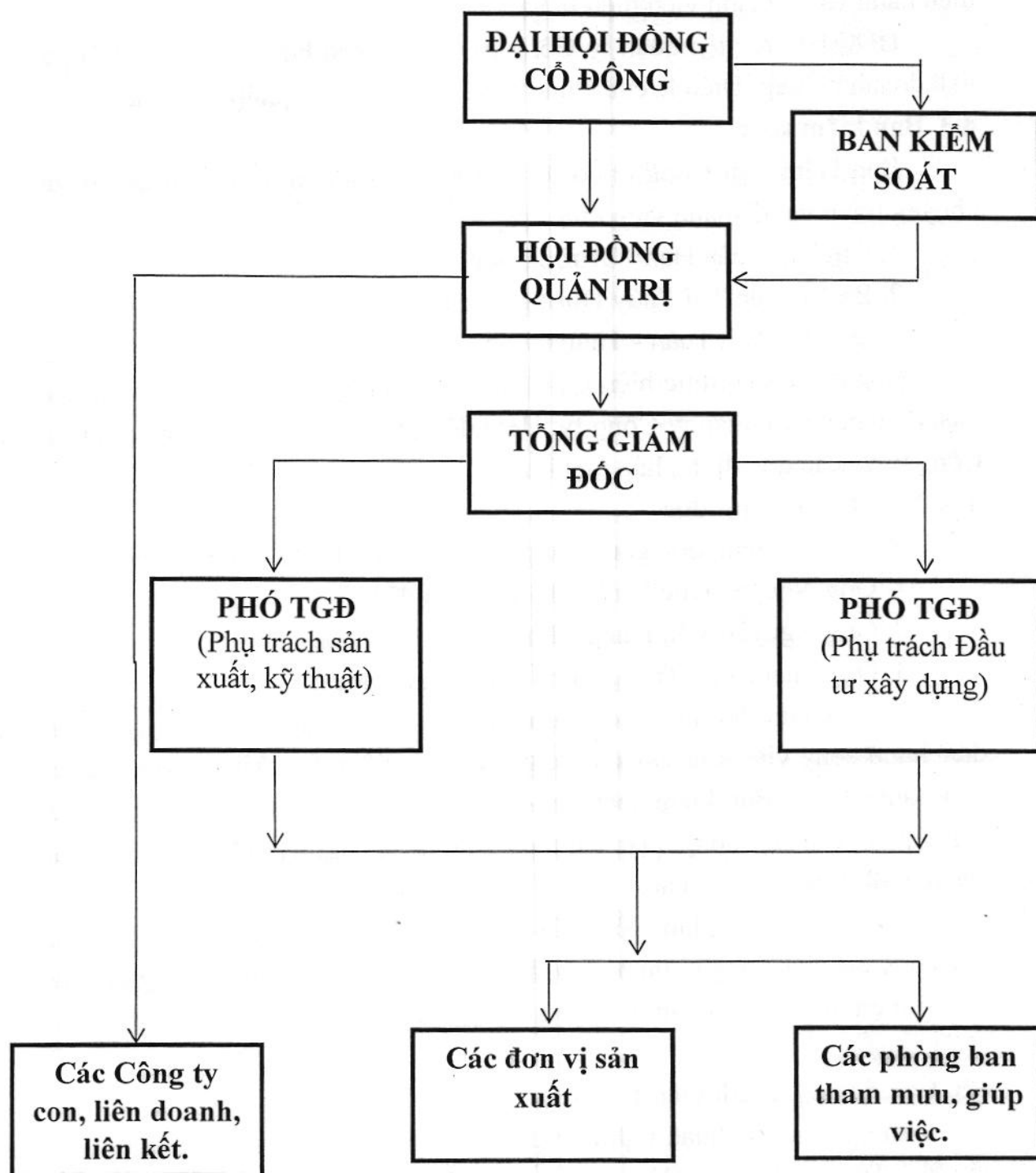
➤ **Địa bàn kinh doanh:** Công ty xác định sản phẩm tiêu thụ chủ lực là phân đạm Urê; tùy thuộc vào từng thời điểm, tình hình diễn biến thị trường Công ty sẽ cơ cấu tỷ trọng sản phẩm Urê/ NH_3 cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả SXKD. Cụ thể:

- **Đối với sản phẩm Urê:** Công ty đã và đang triển khai đưa sản phẩm Urê tới bà con nông dân ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối tại các địa phương, họ là những công ty có uy tín, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh phân bón. Công ty xác định thị trường mục tiêu đối với sản phẩm Urê là các tỉnh thuộc khu vực miền Bắc (từ tỉnh Ninh Bình trở ra phía Bắc), đồng thời sẽ phát triển thị trường khu vực từ tỉnh Thanh Hóa trở vào phía Nam để gia tăng sản lượng tiêu thụ vào những thời điểm khu vực miền Bắc đang trái vụ.

- **Đối với sản phẩm NH_3 lỏng:** Sản lượng tiêu thụ NH_3 lỏng được Công ty bán trực tiếp cho các đơn vị sản xuất như sản xuất phân bón DAP, sản xuất thuốc nổ, sản xuất mỳ chính,.... và bán thông qua nhà phân phối của Công ty.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

◀ Cơ cấu bộ máy quản lý



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người, trong đó có 02 thành viên không điều hành và 03 thành viên điều hành.

HĐQT thực hiện quản lý Công ty và đảm bảo hoạt động của Công ty theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có 03 người, trong đó có 01 người làm trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

1. Ông Hà Xuân Hán - Trưởng Ban
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thành viên
3. Ông Lê Anh Tuấn - Thành viên

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Hoạt động theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

1. Ông Nguyễn Đức Ninh - Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Phạm Văn Trung - Phó Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành các lĩnh vực công tác của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

4.5. Các đơn vị thành viên Công ty:

Các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty, gồm: Văn phòng công ty, phòng Tổ chức nhân sự, phòng Kế hoạch, phòng Thị trường, phòng Vật tư vận tải, Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính, phòng Đầu tư Xây dựng, phòng Bảo vệ Quân sự, phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường, phòng Kỹ thuật công nghệ, phòng Điện - Đo lường, phòng Điều độ sản xuất, phòng KCS, phòng Cơ khí, phòng Y Tế.

Các xưởng sản xuất thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để phục vụ công tác SXKD của Công ty, gồm: Xưởng Nhiệt, Xưởng Tạo khí, Xưởng

Amoniac, Xưởng Tổng hợp Urê, Xưởng Than, Xưởng Điện, Xưởng ĐL-TĐH, Xưởng Sửa chữa, Xưởng Nước.

4.6. Các công ty con, Công ty liên kết:

Danh sách công ty con và công ty liên kết của Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc:

TT	Tên công ty	Giá trị vốn góp		Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ
		Triệu VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)		
I Công ty con					
1	CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	54.230	64,56	Sản xuất và kinh doanh H ₂ O ₂	P.Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
II Công ty liên kết					
1	CTCP Khí hóa lỏng Hà Bắc	8.649,06	36	Sản xuất và kinh doanh CO ₂ lỏng, CO ₂ rắn	Đ.Phạm Liâu, P.Thọ Xương, TP. Bắc Giang

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đẩy mạnh sản xuất dần đạt Công suất thiết kế của Dự án với định mức tiêu hao thấp, bảo đảm an toàn môi trường. Tiêu thụ hết sản lượng sản xuất. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Cải tiến đồng bộ các giải pháp quản trị để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SX-KD để giảm lỗ và tiến tới thoát lỗ.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược dài hạn: Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp Urê cho thị trường phân bón.

- Chiến lược phát triển Trung hạn: Tập trung vào các phân khúc thị trường Đạm Urê cho sản xuất phân bón, đáp ứng đủ nhu cầu cho các đơn vị tiêu thụ sản phẩm NH₃.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Đồng hành cùng phát triển với nông nghiệp và người nông dân.
- Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường trong sản xuất.
- Đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động Công ty.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro về dòng tiền:

Do áp lực trả lãi vay lớn nên Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền để duy trì hoạt động SX-KD liên tục

6.2 Rủi ro về Giá bán Urê, NH₃:

Giá Urê, NH₃ thế giới xuống thấp kéo theo giá trong nước giảm và xuống dưới chi phí biến đổi dẫn đến nguy cơ Công ty phải ngừng máy sản xuất.

6.3 Rủi ro về giá than:

Hiện nay than là nguyên, nhiên liệu chủ yếu cho sản xuất sản phẩm Urê được cung cấp chủ yếu bởi Tập đoàn than TKV. Do đó giá mua phụ thuộc nhiều vào giá than của TKV.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Đặc điểm tình hình

- Dịch Covid-19 bùng phát đã ảnh hưởng toàn diện đến hoạt động SX-KD, Công ty SXKD trong điều kiện vừa sản xuất vừa chống dịch.

- Giá dầu thô xuống rất thấp lịch sử, ảnh hưởng tiêu cực đến giá Urê và NH₃ thế giới. Nhu cầu phân bón giảm mạnh do lũ lụt ở miền Trung. Cạnh tranh giữa hai đơn vị sản xuất Urê nội bộ tập đoàn chưa được cải thiện.

- Tình hình tài chính hết sức khó khăn, thời gian được giãn khấu hao đã hết, dòng tiền cho sản xuất luôn trong tình trạng thiếu hụt.

- Máy móc thiết bị đến chu kỳ sửa chữa đặc biệt các hạng mục TOC và bảo hành ảnh hưởng đến thời gian sản xuất. Tuy nhiên, sản xuất vẫn duy trì ổn định, sản lượng sản xuất vượt kế hoạch.

- Lao động vẫn thiếu hụt, lượng tuyển mới không đủ bù đắp số lao động nghỉ việc nên Công ty phải bố trí làm thêm giờ để đảm bảo sản xuất.

1.2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020 ĐHCĐ thông qua	Thực hiện năm 2020		
				Thực hiện	SSKH năm (%)	So sánh thực hiện năm 2019 (%)
I	Nộp ngân sách	Tr.đ	34.157	34.643	101,4	92,4
II	Giá trị SXCN (Giá TT)	"	3.058.097	2.764.748	90,4	91,7
III	Tổng doanh thu	"	3.030.736	2.757.680	91,0	96,5
IV	Hiệu quả SX-KD	Tỷ đồng	-1.132	-1.466		
V	Sản lượng sản xuất					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	446.000	450.580	101,0	98,8
1	Urê	"	356.130	306.326	86,0	90,6
2	NH3 thương phẩm	"	50.000	83.766	167,5	130,4
3	Điện sản xuất	Mw.h	142.810	161.450	113,1	109,0
VI	Sản lượng tiêu thụ					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	440.000	449.361	102,1	108,0
1	Urê	Tấn	353.000	302.583	85,7	98,8
2	NH3 thương phẩm	"	50.000	84.544	169,1	133,4

1.3. Phân tích hiệu quả SX-KD năm 2020

Kết quả SX-KD của Công ty năm 2020 lỗ 1.466 tỷ đồng, tăng 334 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2020 và tăng 834 tỷ đồng so với thực hiện năm 2019.

1.4. Những cố gắng của Công ty năm 2020 để giảm lỗ

- Công tác quản lý kỹ thuật được làm tốt, ổn định được công nghệ nên các định mức tiêu hao chính đều bằng hoặc thấp hơn kế hoạch, tổng giá trị tiết kiệm định mức tiêu hao năm 2020 so với kế hoạch được 55 tỷ đồng.

- Hầu hết các vật tư/dịch vụ đều được mua theo hình thức đấu thầu trực tiếp/đấu thầu qua mạng hoặc báo giá cạnh tranh, góp phần giảm chi phí cho hoạt động SX-KD.

- Năm 2020, Công ty đã tổ chức 04 cuộc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp than cám phối trộn có tiêu chuẩn tương đương than 5a.1 đem lại hiệu quả rõ rệt, tổng số tiền tiết kiệm từ việc mua than ngoài TKV được 48 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:

a) Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Đức Ninh

+ Ngày sinh: 02 tháng 10 năm 1963

+ Số CMT: 120437977

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Thái Đào – Lạng Giang – Bắc Giang

- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD
- + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C
- + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4800 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần.
- + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%.

b) Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Dũng

- + Ngày sinh: 12 tháng 02 năm 1968
- + Số CMT: 121007279
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
- + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4600 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần (từ 21/4/2018).

- + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%

c) Phó Tổng Giám đốc – Ông Phạm Văn Trung

- + Ngày sinh: 12 tháng 12 năm 1967
- + Số CMT: 121464879
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Niêm Xá, Tỉnh Bắc Ninh
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4800 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần
- + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%

c) Kế toán trưởng – Ông Lê Anh Tuấn

- + Ngày sinh: 02 tháng 11 năm 1981
- + Số CMT: 122302865
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Đốc Tín, Huyện Mỹ Đức, Hà Nội.
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh và quản lý.
- + Trình độ lý luận chính trị: Đang học Trung cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C

➤ **Những thay đổi trong Ban điều hành:**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc quyết định bổ nhiệm ông Lê Anh Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 24/9/2020; bổ nhiệm lại ông Nguyễn Văn Dũng và ông Phạm Văn Trung giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 14/12/2020.

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

- Lao động ngày 01/01/2020: 1224 người
- Lao động đến ngày 31/12/2020: 1247 người
- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

+ Lao động của Công ty được đào tạo tại các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ SXKD của Công ty. Đến nay, lao động của Công ty đã làm chủ được công việc được phân công; định biên lao động được rà soát đưa về mức tối thiểu; thực hiện hợp nhất, sáp nhập để tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

+ Công ty có các quy chế, quy định đảm bảo các chế độ cho người lao động đúng quy định của pháp luật; năm 2020 bố trí đủ việc làm, đảm bảo tiền lương cho 100% CBCNV Công ty.

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

➤ **Các khoản đầu tư lớn thực hiện trong năm:** Không có

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

➤ **Công ty con: Công ty cổ phần hóa chất Hưng Phát**

Trụ sở chính: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 84.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh H₂O₂, kinh doanh phân bón phục vụ nông nghiệp, các loại hóa chất, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

*** Tình hình tài chính:**

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản	153.967	145.957
A. Tài sản ngắn hạn	23.281	33.533
B. Tài sản dài hạn	130.686	112.424
Tổng nguồn vốn	153.967	145.957
A. Nợ phải trả	53.661	45.685
B. Vốn chủ sở hữu	100.305	100.272
Trong đó: Vốn góp của CSH	84.000	84.000
LNST chưa phân phối	7.815	6.886

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Doanh thu thuần	75.668	74.256	-1,86
Lợi nhuận từ HĐKD	3.769	1.864	-50,5
Lợi nhuận khác	-6	0,3	
Lợi nhuận trước thuế	3.763	1.864	-50,5
Lợi nhuận sau thuế	2.987	1.588	-46,8

➤ Công ty liên kết: Công ty cổ phần Khí hóa lỏng:

Trụ sở chính: Đường Phạm Liêu, Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 24.025.190.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất các sản phẩm khí công nghiệp; Cac bon điôxits (lỏng, rắn). Mua bán các sản phẩm khí công nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sang chiết và đóng bình các loại khí công nghiệp dạng lỏng và dạng khí: Oxy, CO₂, Argon, Nitơ...; kinh doanh, XNK các loại khí công nghiệp khác.

Tình hình tài chính:

DVT: triệu đồng

Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản	40.472	49.165
Tài sản ngắn hạn	37.775	48.480
Tài sản dài hạn	2.697	685
Tổng nguồn vốn	40.472	40.472
Nợ phải trả	3.826	3.718
Vốn chủ sở hữu	36.646	45.448
Trong đó: Vốn góp của CSH	24.025	24.025
LNST chưa phân phối	10.755	19.557

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Doanh thu thuần	47.743	52.501	9,97
Lợi nhuận từ HĐKD	13.480	22.753	68,79
Lợi nhuận khác	0	0	
Lợi nhuận trước thuế	13.480	22.753	68,79
Lợi nhuận sau thuế	10.755	19.557	81,84

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm năm 2020 so với 2019
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	9.235.454	8.516.941	-7,78
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.585.477	2.746.783	6,24
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-634.807	-1.466.592	131
4	Lợi nhuận khác	2.532	921	-63,6
5	Lợi nhuận trước thuế	-632.275	-1.465.671	131,8
6	Lợi nhuận sau thuế	-632.980	-1.465.671	131,6
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2020 của HANICHEMCO

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2019 – 2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm năm 2020 so với 2019
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	9.343.916	8.620.531	-7,74
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.909.402	2.790.090	-4,1
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-638.073	-1.461.147	129
4	Lợi nhuận khác	2.519	921	-63,44
5	Lợi nhuận trước thuế	-635.554	-1.460.226	129,76
6	Lợi nhuận sau thuế	-637.036	-1.460.502	129,26
	Trong đó: LNST của công ty mẹ	-638.094	-1.461.065	128,97
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán HN năm 2020 của HANICHEMCO

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
			2019	2020
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,20	0,16
	- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,08	0,06
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	%	106	124
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	%	-724	-518
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,26	6,47
	- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,31	0,32
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-22,14	-53,36
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%		
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-6,85	-6,85
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	-22,21	-17,21

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 272.200.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 271.984.400
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 215.600

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến ngày 26/3/2021 (ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021), cơ cấu vốn cổ đông Công ty như sau:

Danh Mục	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	1.281	272.200.000	2.722.000.000.000	100
1. Cổ đông nhà nước	2	265.991.000	2.659.910.000.000	97,72
2. Cổ đông tổ chức không phải nhà nước	16	3.150.000	31.500.000.000	1,15
3. Cổ đông cá nhân	1.263	3.059.000	30.590.000.000	1,13
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không tăng hoặc giảm vốn cổ phần.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2020

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2020	Ghi chú
1	Than cám 5A	tấn	418.335,209	
2	Than cám 4A	tấn	401.625,858	
3	Bao bì Urê 50 kg (Urê Hà Bắc)	bộ	5.373.824	
4	Bao bì Urê 25 kg (Urê Hà Bắc N46TE)	bộ	818.982	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2020	Tỷ lệ
1	Tro bễ lắng 467	tấn	0	0
2	Bã chua lò Shell	tấn	9.353,188	2,24%
3	Dầu thu hồi	lít	0	

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tổng lượng điện sử dụng năm 2020 là: 277.463.994 kWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Tổng tiền tiết kiệm do thực hiện định mức tiêu hao năm 2020 là: 54,9 tỷ đồng, trong đó tiết kiệm điện là: 5,323 tỷ đồng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

Hàng năm công ty đều triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, như vận hành động cơ ở chế độ tối ưu để giảm tiêu thụ điện năng, triển khai các đề tài khoa học kỹ thuật để giảm định mức tiêu hao, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2020 tiếp tục triển khai 2 giải pháp sau:

Giải pháp 1: Giải pháp tổng thể tính toán phối hợp cài đặt các bảo vệ

để tách lưới giữ ổn định sản xuất dây chuyền chính khi có sự cố điện lưới quốc gia.

Giải pháp 2: Tiếp tục thực hiện đề tài trộn bã chua lò Shell vào than cám 5A cấp cho xường nhiệt, nhằm giảm định mức tiêu hao than cám 5A, tận dụng lại toàn bộ lượng tro của các lò hơi cũ thải ra và lượng bã chua lò Shell thải ra ngoài môi trường.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Lượng nước công ty sử dụng chủ yếu là nước tuần hoàn (được tuần hoàn liên tục trong quá trình sản xuất), một lượng nước tuần bị bay hơi được bổ sung thêm bằng nguồn nước bên ngoài.

Nguồn cung cấp nước đầu vào là nước sông Thương, với lượng sử dụng năm 2020 là: 15.969.245 m³.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng là: 95,86%

6.4. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Năm 2020, số lao động sử dụng bình quân của Công ty là: 1.214 người/tháng, tiền lương bình quân là 8,991 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- 100% người lao động được bố trí đủ việc làm; được đóng BHXH, BHYT, BHTN...; được Công ty phục vụ 01 bữa cơm giữa giờ, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật trong ca sản xuất không phải đóng tiền; được cấp bảo hộ lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân theo cương vị làm việc.

- Công ty có phòng Y tế gồm 08 người, luôn thường trực 24/24h.

- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tần suất 1 lần/năm, riêng với người lao động trực tiếp sản xuất thì tần suất khám sức khỏe là 2 lần/năm.

- Năm 2020, mặc dù sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn song Công ty vẫn duy trì tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao nhằm mục tiêu chăm lo sức khoẻ, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Tên tiếng Anh	: Habac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Joint Stock Company
Tên viết tắt	: HANICHEMCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21/12/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 09/10/2019.
Vốn điều lệ	: 2.722.000.000.000 đồng (Hai nghìn bảy trăm hai mươi hai tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	: 272.200.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính	: Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Số điện thoại	: (+84-204) 3854538
Số fax	: (+84-204) 3855018
Website	: http://damhabac.com.vn/

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (HANICHEMCO) tiền thân là Nhà máy Phân đạm Hà Bắc được khởi công xây dựng từ đầu năm 1960. Qua 59 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đã nhiều lần thay đổi về tên gọi, như sau:

- Nhà máy Phân đạm Hà Bắc
- Xí nghiệp Liên hợp Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc
- Công ty Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc

Ngày 30/10/1977, Phó Thủ tướng Đỗ Mười cắt băng khánh thành Nhà máy Phân đạm Hà Bắc, “đứa con đầu lòng” của ngành sản xuất đạm Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 38/2006/QĐ-BCN ngày 20/10/2006 của Bộ Công nghiệp, Công ty đã chuyển hình thức hoạt động từ công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam thành Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV. Chủ sở hữu của Công ty là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Ngày 01/01/2016, chuyển Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh phân đạm Urê và NH_3 lỏng.

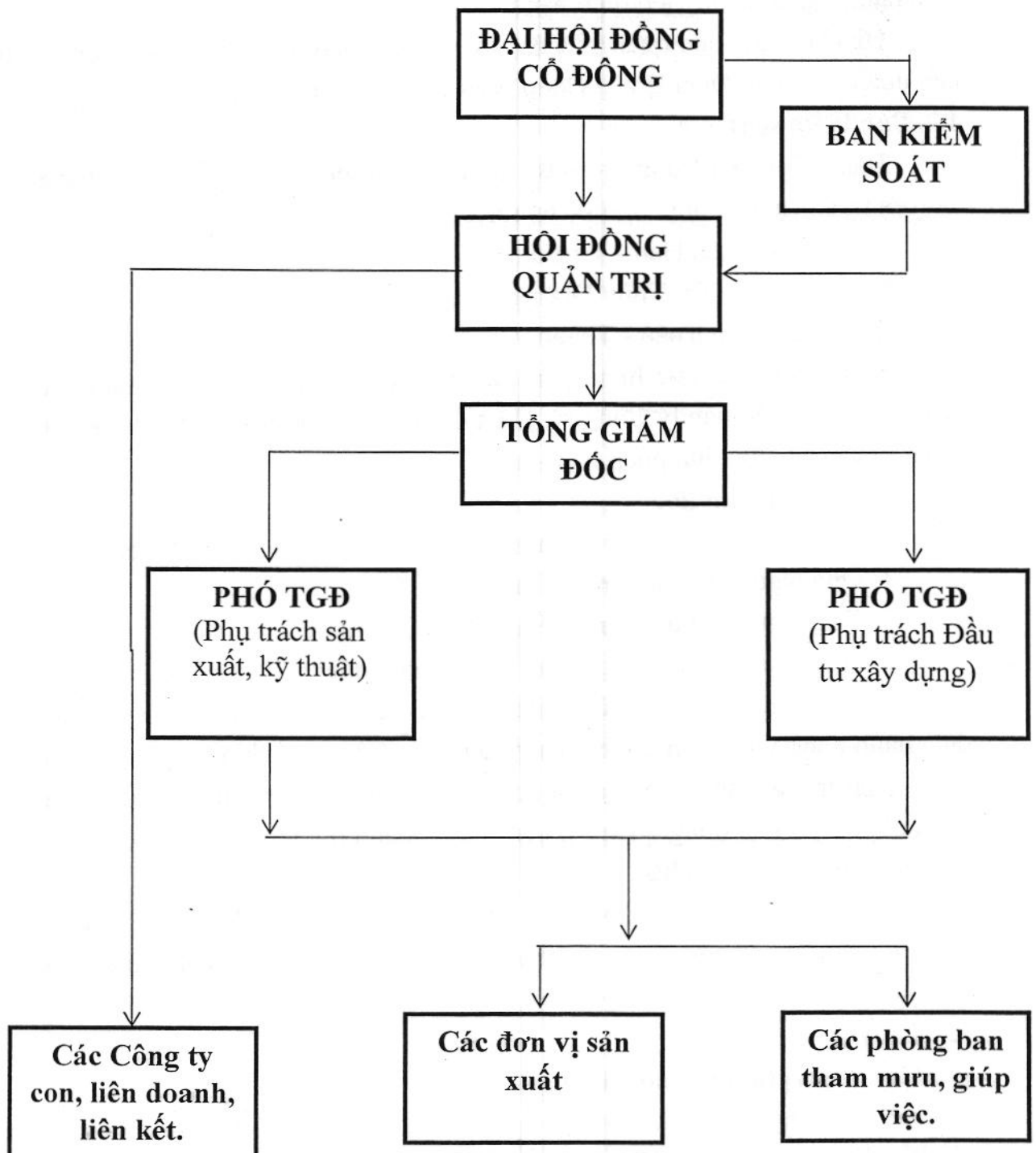
➤ **Địa bàn kinh doanh:** Công ty xác định sản phẩm tiêu thụ chủ lực là phân đạm Urê; tùy thuộc vào từng thời điểm, tình hình diễn biến thị trường Công ty sẽ cơ cấu tỷ trọng sản phẩm Urê/ NH_3 cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả SXKD. Cụ thể:

- **Đối với sản phẩm Urê:** Công ty đã và đang triển khai đưa sản phẩm Urê tới bà con nông dân ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối tại các địa phương, họ là những công ty có uy tín, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh phân bón. Công ty xác định thị trường mục tiêu đối với sản phẩm Urê là các tỉnh thuộc khu vực miền Bắc (từ tỉnh Ninh Bình trở ra phía Bắc), đồng thời sẽ phát triển thị trường khu vực từ tỉnh Thanh Hóa trở vào phía Nam để gia tăng sản lượng tiêu thụ vào những thời điểm khu vực miền Bắc đang trái vụ.

- **Đối với sản phẩm NH_3 lỏng:** Sản lượng tiêu thụ NH_3 lỏng được Công ty bán trực tiếp cho các đơn vị sản xuất như sản xuất phân bón DAP, sản xuất thuốc nổ, sản xuất mỳ chính,... và bán thông qua nhà phân phối của Công ty.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

◀ Cơ cấu bộ máy quản lý



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người, trong đó có 02 thành viên không điều hành và 03 thành viên điều hành.

HDQT thực hiện quản lý Công ty và đảm bảo hoạt động của Công ty theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có 03 người, trong đó có 01 người làm trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

1. Ông Hà Xuân Hán - Trưởng Ban
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thành viên
3. Ông Lê Anh Tuấn - Thành viên

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Hoạt động theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

1. Ông Nguyễn Đức Ninh - Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Phạm Văn Trung - Phó Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành các lĩnh vực công tác của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

4.5. Các đơn vị thành viên Công ty:

Các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty, gồm: Văn phòng công ty, phòng Tổ chức nhân sự, phòng Kế hoạch, phòng Thị trường, phòng Vật tư vận tải, Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính, phòng Đầu tư Xây dựng, phòng Bảo vệ Quân sự, phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường, phòng Kỹ thuật công nghệ, phòng Điện - Đo lường, phòng Điều độ sản xuất, phòng KCS, phòng Cơ khí, phòng Y Tế.

Các xưởng sản xuất thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để phục vụ công tác SXKD của Công ty, gồm: Xưởng Nhiệt, Xưởng Tạo khí, Xưởng

Amoniac, Xưởng Tổng hợp Urê, Xưởng Than, Xưởng Điện, Xưởng ĐL-TĐH, Xưởng Sửa chữa, Xưởng Nước.

4.6. Các công ty con, Công ty liên kết:

Danh sách công ty con và công ty liên kết của Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc:

TT	Tên công ty	Giá trị vốn góp		Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ
		Triệu VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)		
I Công ty con					
1	CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	54.230	64,56	Sản xuất và kinh doanh H ₂ O ₂	P.Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
II Công ty liên kết					
1	CTCP Khí hóa lỏng Hà Bắc	8.649,06	36	Sản xuất và kinh doanh CO ₂ lỏng, CO ₂ rắn	Đ.Phạm Liễu, P.Thọ Xương, TP. Bắc Giang

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đẩy mạnh sản xuất dần đạt Công suất thiết kế của Dự án với định mức tiêu hao thấp, bảo đảm an toàn môi trường. Tiêu thụ hết sản lượng sản xuất. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Cải tiến đồng bộ các giải pháp quản trị để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SX-KD để giảm lỗ và tiến tới thoát lỗ.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược dài hạn: Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp Urê cho thị trường phân bón.

- Chiến lược phát triển Trung hạn: Tập trung vào các phân khúc thị trường Đạm Urê cho sản xuất phân bón, đáp ứng đủ nhu cầu cho các đơn vị tiêu thụ sản phẩm NH₃.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Đồng hành cùng phát triển với nông nghiệp và người nông dân.
- Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường trong sản xuất.
- Đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động Công ty.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro về dòng tiền:

Do áp lực trả lãi vay lớn nên Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền để duy trì hoạt động SX-KD liên tục

6.2 Rủi ro về Giá bán Urê, NH₃:

Giá Urê, NH₃ thế giới xuống thấp kéo theo giá trong nước giảm và xuống dưới chi phí biến đổi dẫn đến nguy cơ Công ty phải ngừng máy sản xuất.

6.3 Rủi ro về giá than:

Hiện nay than là nguyên, nhiên liệu chủ yếu cho sản xuất sản phẩm Urê được cung cấp chủ yếu bởi Tập đoàn than TKV. Do đó giá mua phụ thuộc nhiều vào giá than của TKV.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Đặc điểm tình hình

- Dịch Covid-19 bùng phát đã ảnh hưởng toàn diện đến hoạt động SX-KD, Công ty SXKD trong điều kiện vừa sản xuất vừa chống dịch.

- Giá dầu thô xuống rất thấp lịch sử, ảnh hưởng tiêu cực đến giá Urê và NH₃ thế giới. Nhu cầu phân bón giảm mạnh do lũ lụt ở miền Trung. Cạnh tranh giữa hai đơn vị sản xuất Urê nội bộ tập đoàn chưa được cải thiện.

- Tình hình tài chính hết sức khó khăn, thời gian được giãn khấu hao đã hết, dòng tiền cho sản xuất luôn trong tình trạng thiếu hụt.

- Máy móc thiết bị đến chu kỳ sửa chữa đặc biệt các hạng mục TOC và bảo hành ảnh hưởng đến thời gian sản xuất. Tuy nhiên, sản xuất vẫn duy trì ổn định, sản lượng sản xuất vượt kế hoạch.

- Lao động vẫn thiếu hụt, lượng tuyển mới không đủ bù đắp số lao động nghỉ việc nên Công ty phải bố trí làm thêm giờ để đảm bảo sản xuất.

1.2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020 ĐHCĐ thông qua	Thực hiện năm 2020		
				Thực hiện	SSKH năm (%)	So sánh thực hiện năm 2019 (%)
I	Nộp ngân sách	Tr.đ	34.157	34.643	101,4	92,4
II	Giá trị SXCN (Giá TT)	"	3.058.097	2.764.748	90,4	91,7
III	Tổng doanh thu	"	3.030.736	2.757.680	91,0	96,5
IV	Hiệu quả SX-KD	Tỷ đồng	-1.132	-1.466		
V	Sản lượng sản xuất					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	446.000	450.580	101,0	98,8
1	Urê	"	356.130	306.326	86,0	90,6
2	NH3 thương phẩm	"	50.000	83.766	167,5	130,4
3	Điện sản xuất	Mw.h	142.810	161.450	113,1	109,0
VI	Sản lượng tiêu thụ					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	440.000	449.361	102,1	108,0
1	Urê	Tấn	353.000	302.583	85,7	98,8
2	NH3 thương phẩm	"	50.000	84.544	169,1	133,4

1.3. Phân tích hiệu quả SX-KD năm 2020

Kết quả SX-KD của Công ty năm 2020 lỗ 1.466 tỷ đồng, tăng 334 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2020 và tăng 834 tỷ đồng so với thực hiện năm 2019.

1.4. Những cố gắng của Công ty năm 2020 để giảm lỗ

- Công tác quản lý kỹ thuật được làm tốt, ổn định được công nghệ nên các định mức tiêu hao chính đều bằng hoặc thấp hơn kế hoạch, tổng giá trị tiết kiệm định mức tiêu hao năm 2020 so với kế hoạch được 55 tỷ đồng.

- Hầu hết các vật tư/dịch vụ đều được mua theo hình thức đấu thầu trực tiếp/đấu thầu qua mạng hoặc báo giá cạnh tranh, góp phần giảm chi phí cho hoạt động SX-KD.

- Năm 2020, Công ty đã tổ chức 04 cuộc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp than cám phối trộn có tiêu chuẩn tương đương than 5a.1 đem lại hiệu quả rõ rệt, tổng số tiền tiết kiệm từ việc mua than ngoài TKV được 48 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:

a) Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Đức Ninh

+ Ngày sinh: 02 tháng 10 năm 1963

+ Số CMT: 120437977

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Thái Đào – Lạng Giang – Bắc Giang

- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD
- + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C
- + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4800 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần.
- + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%.

b) Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Dũng

- + Ngày sinh: 12 tháng 02 năm 1968
- + Số CMT: 121007279
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
- + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4600 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần (từ 21/4/2018).
- + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%

c) Phó Tổng Giám đốc – Ông Phạm Văn Trung

- + Ngày sinh: 12 tháng 12 năm 1967
- + Số CMT: 121464879
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Niêm Xá, Tỉnh Bắc Ninh
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4800 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần
- + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%

c) Kế toán trưởng – Ông Lê Anh Tuấn

- + Ngày sinh: 02 tháng 11 năm 1981
- + Số CMT: 122302865
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Đốc Tín, Huyện Mỹ Đức, Hà Nội.
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh và quản lý.
- + Trình độ lý luận chính trị: Đang học Trung cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C

➤ **Những thay đổi trong Ban điều hành:**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc quyết định bổ nhiệm ông Lê Anh Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 24/9/2020; bổ nhiệm lại ông Nguyễn Văn Dũng và ông Phạm Văn Trung giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 14/12/2020.

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

- Lao động ngày 01/01/2020: 1224 người
- Lao động đến ngày 31/12/2020: 1247 người
- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

+ Lao động của Công ty được đào tạo tại các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ SXKD của Công ty. Đến nay, lao động của Công ty đã làm chủ được công việc được phân công; định biên lao động được rà soát đưa về mức tối thiểu; thực hiện hợp nhất, sáp nhập để tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

+ Công ty có các quy chế, quy định đảm bảo các chế độ cho người lao động đúng quy định của pháp luật; năm 2020 bố trí đủ việc làm, đảm bảo tiền lương cho 100% CBCNV Công ty.

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

➤ **Các khoản đầu tư lớn thực hiện trong năm:** Không có

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

➤ **Công ty con: Công ty cổ phần hóa chất Hưng Phát**

Trụ sở chính: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 84.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh H₂O₂, kinh doanh phân bón phục vụ nông nghiệp, các loại hóa chất, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

*** Tình hình tài chính:**

DVT: triệu đồng

Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản	153.967	145.957
A. Tài sản ngắn hạn	23.281	33.533
B. Tài sản dài hạn	130.686	112.424
Tổng nguồn vốn	153.967	145.957
A. Nợ phải trả	53.661	45.685
B. Vốn chủ sở hữu	100.305	100.272
Trong đó: Vốn góp của CSH	84.000	84.000
LNST chưa phân phối	7.815	6.886

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Doanh thu thuần	75.668	74.256	-1,86
Lợi nhuận từ HĐKD	3.769	1.864	-50,5
Lợi nhuận khác	-6	0,3	
Lợi nhuận trước thuế	3.763	1.864	-50,5
Lợi nhuận sau thuế	2.987	1.588	-46,8

➤ Công ty liên kết: Công ty cổ phần Khí hóa lỏng:

Trụ sở chính: Đường Phạm Liêu, Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 24.025.190.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất các sản phẩm khí công nghiệp; Cac bon điôxits (lỏng, rắn). Mua bán các sản phẩm khí công nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sang chiết và đóng bình các loại khí công nghiệp dạng lỏng và dạng khí: Oxy, CO2, Argon, Nitơ...; kinh doanh, XNK các loại khí công nghiệp khác.

Tình hình tài chính:

DVT: triệu đồng

Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản	40.472	49.165
Tài sản ngắn hạn	37.775	48.480
Tài sản dài hạn	2.697	685
Tổng nguồn vốn	40.472	40.472
Nợ phải trả	3.826	3.718
Vốn chủ sở hữu	36.646	45.448
Trong đó: Vốn góp của CSH	24.025	24.025
LNST chưa phân phối	10.755	19.557

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Doanh thu thuần	47.743	52.501	9,97
Lợi nhuận từ HĐKD	13.480	22.753	68,79
Lợi nhuận khác	0	0	
Lợi nhuận trước thuế	13.480	22.753	68,79
Lợi nhuận sau thuế	10.755	19.557	81,84

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm năm 2020 so với 2019
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	9.235.454	8.516.941	-7,78
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.585.477	2.746.783	6,24
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-634.807	-1.466.592	131
4	Lợi nhuận khác	2.532	921	-63,6
5	Lợi nhuận trước thuế	-632.275	-1.465.671	131,8
6	Lợi nhuận sau thuế	-632.980	-1.465.671	131,6
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2020 của HANICHEMCO

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2019 – 2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm năm 2020 so với 2019
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	9.343.916	8.620.531	-7,74
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.909.402	2.790.090	-4,1
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-638.073	-1.461.147	129
4	Lợi nhuận khác	2.519	921	-63,44
5	Lợi nhuận trước thuế	-635.554	-1.460.226	129,76
6	Lợi nhuận sau thuế	-637.036	-1.460.502	129,26
	Trong đó: LNST của công ty mẹ	-638.094	-1.461.065	128,97
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán HN năm 2020 của HANICHEMCO

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
			2019	2020
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,20	0,16
	- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,08	0,06
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	%	106	124
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	%	-724	-518
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,26	6,47
	- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,31	0,32
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-22,14	-53,36
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%		
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-6,85	-6,85
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	-22,21	-17,21

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 272.200.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 271.984.400
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 215.600

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến ngày 26/3/2021 (ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021), cơ cấu vốn cổ đông Công ty như sau:

Danh Mục	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	1.281	272.200.000	2.722.000.000.000	100
1. Cổ đông nhà nước	2	265.991.000	2.659.910.000.000	97,72
2. Cổ đông tổ chức không phải nhà nước	16	3.150.000	31.500.000.000	1,15
3. Cổ đông cá nhân	1.263	3.059.000	30.590.000.000	1,13
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không tăng hoặc giảm vốn cổ phần.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2020

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2020	Ghi chú
1	Than cám 5A	tấn	418.335,209	
2	Than cám 4A	tấn	401.625,858	
3	Bao bì Urê 50 kg (Urê Hà Bắc)	bộ	5.373.824	
4	Bao bì Urê 25 kg (Urê Hà Bắc N46TE)	bộ	818.982	

b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2020	Tỷ lệ
1	Tro bẻ lắng 467	tấn	0	0
2	Bã chua lò Shell	tấn	9.353,188	2,24%
3	Dầu thu hồi	lít	0	

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tổng lượng điện sử dụng năm 2020 là: 277.463.994 kWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Tổng tiền tiết kiệm do thực hiện định mức tiêu hao năm 2020 là: 54,9 tỷ đồng, trong đó tiết kiệm điện là: 5,323 tỷ đồng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

Hàng năm công ty đều triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, như vận hành động cơ ở chế độ tối ưu để giảm tiêu thụ điện năng, triển khai các đề tài khoa học kỹ thuật để giảm định mức tiêu hao, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2020 tiếp tục triển khai 2 giải pháp sau:

Giải pháp 1: Giải pháp tổng thể tính toán phối hợp cài đặt các bảo vệ

để tách lưới giữ ổn định sản xuất dây chuyền chính khi có sự cố điện lưới quốc gia.

Giải pháp 2: Tiếp tục thực hiện đề tài trộn bã chua lò Shell vào than cám 5A cấp cho xường nhiệt, nhằm giảm định mức tiêu hao than cám 5A, tận dụng lại toàn bộ lượng tro của các lò hơi cũ thải ra và lượng bã chua lò Shell thải ra ngoài môi trường.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Lượng nước công ty sử dụng chủ yếu là nước tuần hoàn (được tuần hoàn liên tục trong quá trình sản xuất), một lượng nước tuần bị bay hơi được bổ sung thêm bằng nguồn nước bên ngoài.

Nguồn cung cấp nước đầu vào là nước sông Thương, với lượng sử dụng năm 2020 là: 15.969.245 m³.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng là: 95,86%

6.4. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Năm 2020, số lao động sử dụng bình quân của Công ty là: 1.214 người/tháng, tiền lương bình quân là 8,991 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- 100% người lao động được bố trí đủ việc làm; được đóng BHXH, BHYT, BHTN...; được Công ty phục vụ 01 bữa cơm giữa giờ, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật trong ca sản xuất không phải đóng tiền; được cấp bảo hộ lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân theo cương vị làm việc.

- Công ty có phòng Y tế gồm 08 người, luôn thường trực 24/24h.

- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tần suất 1 lần/năm, riêng với người lao động trực tiếp sản xuất thì tần suất khám sức khỏe là 2 lần/năm.

- Năm 2020, mặc dù sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn song Công ty vẫn duy trì tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao nhằm mục tiêu chăm lo sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

Công ty thực hiện chi trợ cấp khó khăn, đợt xuất 121.000.000 đồng cho 484 lượt người lao động; chi trợ giúp 32.900.000 đồng cho người lao động nhằm hỗ trợ CBCNV khi ốm đau, tai nạn, khi về hưu hoặc khi gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn nhằm góp phần động viên CBCNV vượt qua khó khăn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại lao động

	Tổng số giờ đào tạo trung bình/năm (giờ)	Theo tổng số nhân viên (giờ/người)	Theo phân loại lao động	
			Lao động gián tiếp (giờ/người)	Lao động trực tiếp (giờ/người)
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm	286.150	275	78	271

- Chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo việc làm và phát triển sự nghiệp:

Là công ty sản xuất phân đạm trên dây chuyền hiện đại nên việc đào tạo người lao động thường xuyên là vấn đề mấu chốt đảm bảo cho quá trình sản xuất được ổn định, lâu dài. Để đáp ứng được yêu cầu đó, hằng năm công ty lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho từng đối tượng lao động, cụ thể như các chương trình sau:

- Bố trí thợ bậc cao kèm cặp thợ bậc thấp để họ được nâng cao tay nghề, đáp ứng đủ tiêu chuẩn từng cấp bậc để được tăng lương;

- Đào tạo một người có thể vận hành được nhiều cương vị, vị trí khác nhau trong dây chuyền với mục đích giúp người lao động nâng cao hiểu biết về chuyên môn, làm chủ được dây chuyền sản xuất, linh hoạt trong bố trí sử dụng và đảm bảo cho người lao động có đủ việc làm.

- Cử người lao động đến các trung tâm đào tạo được phép hoặc mời giảng viên tại các Viện, Trường đại học có uy tín về công ty giảng dạy để người lao động học hỏi, trao đổi, nâng cao nghiệp vụ kiến thức cũng như chuyên môn để đáp ứng được điều kiện để tăng lương;

- Công ty thường xuyên tổ chức các lớp học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và phát triển sự nghiệp với các chương trình như sau:

+ Hợp tác với Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp Bắc Giang mở lớp sơ cấp nghề vận hành máy và thiết bị hóa chất cho người lao động mới tuyển dụng khác chuyên ngành Hóa.

+ Đào tạo, bồi dưỡng nâng bậc, nâng lương cho người lao động

- + Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ
- + Đào tạo thêm cương vị, đào tạo lại để bố trí sắp xếp lại lao động

6.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, ủng hộ người nghèo, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn của Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả SX-KD của Công ty năm 2020 lỗ 1.466 tỷ đồng, tăng 334 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2020 và tăng 834 tỷ đồng so với thực hiện năm 2019, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020 ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện năm 2020		
				Thực hiện	SSKH năm (%)	So sánh thực hiện năm 2019 (%)
I	Nộp ngân sách	Tr.đ	34.157	34.643	101,4	92,4
II	Giá trị SXCN (Giá TT)	"	3.058.097	2.764.748	90,4	91,7
III	Tổng doanh thu	"	3.030.736	2.757.680	91,0	96,5
IV	Hiệu quả SX-KD	Tỷ đồng	-1.132	-1.466		
V	Sản lượng sản xuất					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	446.000	450.580	101,0	98,8
1	Urê	"	356.130	306.326	86,0	90,6
2	NH3 thương phẩm	"	50.000	83.766	167,5	130,4
3	Điện sản xuất	Mw.h	142.810	161.450	113,1	109,0
VI	Sản lượng tiêu thụ					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	440.000	449.361	102,1	108,0
1	Urê	Tấn	353.000	302.583	85,7	98,8
2	NH3 thương phẩm	"	50.000	84.544	169,1	133,4

2. Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2020	31/12/2020	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	9.235.454	8.516.941	-718.513	-7,78
- Tài sản ngắn hạn	840.642	895.920	55.278	6,58
- Tài sản dài hạn	8.394.812	7.621.021	-773.791	-9,22
Nguồn vốn	9.235.454	8.516.941	-718.513	-7,78
- Nợ phải trả	9.807.364	10.554.522	747.158	7,62
- Vốn chủ sở hữu	-571.910	-2.037.581	-1.465.671	-256

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty tổ chức sản xuất theo 3 ca, 4 kíp, biên chế lao động vào các cương vị sản xuất và duy trì sản xuất ổn định trong năm qua. Để có nhân lực điền khuyết khi có người nghỉ phép, nghỉ chế độ, Công ty triển khai công tác đào tạo để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động với việc chấp hành nội quy, quy định của Công ty, kết hợp với việc tuyên truyền vận động CNVC tự giác chấp hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Công ty xác định các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 là :

4.1 Đảm bảo dòng tiền cho SX-KD liên tục

- Tiếp tục làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ban, ngành Trung ương xem xét phê duyệt phương án cơ cấu nợ tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Làm việc với các Ngân hàng thương mại để giảm lãi suất cho vay dài hạn, gia hạn và cấp mới hạn mức tín dụng (năm 2020 - 2021) đối với hợp đồng vay vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện âm vốn chủ sở hữu.

- Đẩy mạnh công tác bán hàng, đàm phán với khách hàng ứng trước tiền hàng hoặc huy động vay từ khách hàng khi ngân hàng chưa phê duyệt hạn mức mới đồng thời hạn chế đến mức tối đa công nợ quá hạn.

- Kiểm soát và duy trì lượng hàng tồn kho ở mức hợp lý.

- Thực hiện giãn tiến độ thanh toán các khoản mua vật tư có giá trị lớn.

4.2. Về công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm

- Bám sát diễn biến tình hình thị trường để điều chỉnh giá bán linh hoạt.

- Tiếp tục đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ Urê vào phân khúc làm nguyên liệu sản xuất.

- Triển khai thử nghiệm phát triển thêm nhiều dòng sản phẩm Urê mới có sự khác biệt nhằm đa dạng hóa sản phẩm để đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ.

- Thực hiện tìm kiếm thị trường xuất khẩu Urê hoặc ủy thác xuất khẩu cho các đối tác có nhu cầu.

- Tiếp tục cung cấp NH₃ lỏng vào các đơn vị sản xuất có nhu cầu lớn.

4.3. Về quản lý sản xuất

- Chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất để triển khai bảo dưỡng, trung tu máy móc thiết bị dây chuyền trong năm 2021 đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ công việc.

- Duy trì ổn định phương thức sản xuất đảm bảo an toàn, môi trường và tập trung điều chỉnh các chỉ tiêu công nghệ để giảm định mức tiêu hao, đặc biệt quan tâm điều chỉnh công nghệ lò Shell phù hợp để kéo dài thời gian vận hành lò.

- Thực hiện phương án quy hoạch kho than và đảo trộn than cho sản xuất, đảm bảo độ đồng đều về độ tro và cỡ hạt để ổn định công nghệ lò khí hóa, giảm định mức tiêu hao.

- Củng cố hệ thống nghiền than lò khí hoá Shell để ổn định kích thước hạt than, chất lượng than cũng như tỷ lệ đá vôi của than sau khi nghiền để ổn định công nghệ lò.

- Rà soát toàn bộ hệ thống điện, nghiên cứu tham khảo đơn vị tư vấn để có giải pháp hạn chế tối đa sự cố điện, đảm bảo an toàn hành lang điện lưới cấp cho Công ty.

4.4. Công tác mua vật tư

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng và giá cả vật tư đầu vào. Cân đối số lượng, thời điểm mua hợp lý, đảm bảo lượng tồn kho tuân thủ theo Quy định dự trữ tối đa, tối thiểu của Công ty, đặc biệt đối với mặt hàng than và bao bì Urê.

- Tiếp tục tổ chức đấu thầu than giữa các đơn vị ngoài TKV để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SX-KD và chủ động nguồn than cho sản xuất.

4.5. Về công tác lao động, tiền lương

- Tiếp tục tái cơ cấu, tổ chức lại sản xuất và quản lý sản xuất theo hướng tinh gọn, sáp nhập một số đơn vị để giảm đầu mối trực thuộc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Có chính sách tiền lương thỏa đáng để giữ người lao động gắn bó với Công ty và bảo đảm an sinh xã hội, chú trọng công tác đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4.6. Về công tác quyết toán Dự án CT-MR

- Gói thầu số 8 (EPC): Công ty tiếp tục tổng hợp, rà soát hồ sơ quyết toán Hợp đồng.

- Trong điều kiện dịch Covid-19 vẫn tiếp diễn, Công ty sẽ thực hiện hình thức trao đổi trực tuyến với nhà thầu để triển khai công tác quyết toán.

4.7. Các nhiệm vụ trọng tâm khác

- Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn tại Công ty con và Công ty liên kết.

- Tiếp tục công tác phòng chống dịch Covid-19 không để dịch bệnh lây lan vào Công ty, bảo đảm nhân lực để duy trì sản xuất liên tục.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Trên cơ sở Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc xin giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh như sau:

Về việc quyết toán dự án hoàn thành dự án cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm và Hóa chất Hà Bắc:

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ về tiến độ quyết toán dự án hoàn thành xong trong năm 2017, ngày 01/12/2017 Công ty đã hoàn thiện Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc, trong đó hợp đồng EPC tự quyết toán.

Hai đơn vị tư vấn kiểm toán và thẩm tra Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành là VACO và AVINA-IAFC đã có ý kiến về Báo cáo, trong đó đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến các nội dung vướng mắc mà Công ty tự quyết toán hợp đồng EPC có khả năng xảy ra tranh chấp với Nhà thầu EPC.

Trong thời gian qua, Công ty vẫn tiếp tục phối hợp, đôn đốc Nhà thầu để hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Tuy nhiên đến nay hai bên chưa thống nhất một số nội dung vướng mắc. Do vậy đến nay chưa quyết toán A-B hợp đồng EPC và chưa đủ cơ sở phê duyệt quyết toán dự án cũng như chưa xác nhận được với Nhà thầu các khoản công nợ liên quan.

Để công tác quyết toán hợp đồng EPC đúng quy định của pháp luật, Công ty đã gửi văn bản xin ý kiến tham vấn các Bộ chuyên ngành và nhận được các văn bản hướng dẫn, tuy nhiên chưa rõ ràng để có thể áp dụng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Thị trường tiêu thụ hết sức khó khăn do nhu cầu phân bón suy giảm, các đơn vị sản xuất trong nước đua nhau giảm giá, bán hàng bằng mọi cách để có tiền duy trì sản xuất. Giá NH₃ và Urê thế giới giảm liên tục từ đầu năm, giá NH₃ có thời điểm thấp hơn giá Urê.

- Tình hình cung ứng than chưa được cải thiện, đặc biệt trong Quý I, có thời điểm phải giảm tải lò hơi để duy trì sản xuất. Độ ẩm luôn ở mức cao trên mức cho phép làm gia tăng định mức tiêu hao.

- Một số thiết bị đến chu kỳ sửa chữa, các hạng mục TOC và bảo hành chưa thể triển khai, sàng phân tử, xúc tác Mê tan hóa đến giai đoạn cuối chu kỳ sử dụng cần phải thay thế.

- Chi phí tài chính ngày càng lớn, Công ty hoạt động trong trạng thái âm vốn chủ sở hữu nên gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền để duy trì sản xuất.

- Đội ngũ Cán bộ và Công nhân kỹ thuật đã làm chủ được công nghệ, thiết bị, xử lý tốt các tình huống phát sinh. Lao động vẫn trong tình trạng thiếu hụt, Công ty đã tổ chức nhiều đợt tuyển dụng nhưng vẫn không đủ.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức, cơ bản đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra hàng năm, thị trường trọng điểm của Công ty tiếp tục được giữ vững.

Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.

Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.

Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2020 dự báo Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức như: Giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng, cạnh tranh gay gắt trong thị trường phân bón, chi phí lãi vay và khấu hao cao, áp lực về dòng tiền rất lớn...

Để sản xuất kinh doanh của công ty có bước chuyển biến Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo Ban điều hành để giải quyết những vấn đề còn tồn tại và định hướng phát triển.

Một số định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2021 như sau:

1. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

2. Khắc phục những tồn tại, yếu kém theo nội dung kết luận của Thanh tra Chính phủ đã chỉ ra;

3. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc quyết toán Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc;

4. Làm việc với các ngân hàng và các Bộ ngành liên quan để cơ cấu lại phương án trả nợ vốn vay dài hạn và các cơ chế nhằm tháo gỡ khó khăn cho Công ty;

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các nội dung, các khoản chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác;

7. Giám sát và chỉ đạo Ban điều hành sản xuất đảm bảo an toàn, ổn định với phụ tải cao, hiệu quả và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, định mức tiêu hao góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh;

8. Giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng phát triển thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ Urê nguyên liệu và Urê cao cấp và tiêu thụ NH₃ lỏng; tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới có tính chất khác biệt nhằm tăng sản lượng tiêu thụ và tăng hiệu quả kinh doanh;

9. Tiếp tục kiện toàn quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty để tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí, đặc biệt là vật tư đầu vào cho sản xuất;

10. Tiếp tục tái cơ cấu, tổ chức lại sản xuất và quản lý sản xuất theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trực thuộc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động;

11. Tăng cường công tác đào tạo, thực hiện rà soát lại quy hoạch cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng bổ sung đội ngũ có chất lượng khi cần;

12. Nâng dần tiền lương của người lao động theo mặt bằng chung của khu vực trong các năm tiếp theo nhằm đảm bảo đời sống và giữ được người lao động tiếp tục làm việc tại Công ty.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ	Chức danh thành viên HĐQT Công ty con, công ty liên kết
1	- Ông Hoàng Mạnh Thắng - Ông Nguyễn Văn Thiệu	- Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/06/2020 - Chủ tịch HĐQT từ ngày 26/06/2020 đến nay		

2	Ông Nguyễn Đức Ninh	- TV HĐQT. - Tổng Giám đốc	0,0021%	
3	Ông Phạm Văn Trung	TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0,0016%	Chủ tịch HĐQT CTCP Khí hóa lòng Hà Bắc
4	Ông Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0,0016%	
5	Ông Nguyễn Phùng Hưng	TV HĐQT, Trưởng phòng TCNS	0,0016%	

Ghi chú: - Các thành viên 1 đến 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

- Thành viên mục 1 và mục 5: Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã tiến hành 14 phiên họp, tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị 12 lần; ban hành 14 nghị quyết, 30 quyết định để điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty.

Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty, thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

a) Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Giai đoạn 2016-2021, nhất là năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn thách thức, như:

- Sản xuất luôn trong tình trạng thiếu lao động, nhiều cương vị phải huy động thêm giờ thời gian dài, số lao động tuyển mới không đủ để bổ sung do tiền lương không hấp dẫn, thu nhập của người lao động ở mức thấp chưa thu hút và giữ được người lao động.

- Tình hình tài chính hết sức khó khăn, chi phí tài chính, đặc biệt là lãi phạt quá hạn tăng cao; Công ty hoạt động trong tình trạng âm vốn chủ sở hữu nên ảnh hưởng lớn đến cân đối dòng tiền cho sản xuất.

- Do thị trường cạnh tranh khốc liệt, giá dầu thế giới liên tục giảm, nguồn cung phân bón nhập khẩu lớn, thời tiết diễn biến phức tạp làm cho giá bán sản phẩm phân bón giảm sâu không đủ bù đắp chi phí.

- Luật thuế 71/2014/QH13 chưa được Quốc Hội sửa đổi gây bất lợi kép, do vừa không được hoàn thuế đầu vào vừa giảm sức cạnh tranh so với hàng nhập khẩu. Nghị định số 122/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/9/2016 về thuế xuất nhập khẩu còn là rào cản lớn đối với hàng sản xuất trong nước tham gia thị trường quốc tế khi vào giai đoạn trái vụ ở trong nước.

- Dịch Covid-19 bùng phát từ tháng 02/2020 đã ảnh hưởng toàn diện đến hoạt động SX-KD, Công ty SXKD trong điều kiện vừa sản xuất vừa chống dịch.

Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành Công ty chủ động nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm đúng đắn, cùng với truyền thống đoàn kết phấn đấu vượt khó khăn của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự ủng hộ của Đại lý bạn hàng, của quý cổ đông đã góp phần quan trọng đưa Công ty từng bước vượt qua khó khăn.

b) Trong lĩnh vực tài chính:

Trong năm 2020, do Công ty tình hình tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể:

- Tình hình công nợ phải thu: Tổng nợ phải thu đến ngày 31/12/2020 là 897,9 tỷ đồng (trong đó nợ phải thu ngắn hạn là 157,1 tỷ đồng; nợ phải thu dài hạn là 740,8 tỷ đồng), chủ yếu liên quan đến quá trình thực hiện dự án đầu tư mở rộng.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi: 5,34 tỷ đồng, gồm hai khoản nợ phát sinh đối với Công ty Constrexim- Meco là 5,2 tỷ đồng và UBND phường Trần Nguyên Hãn là 0,134 tỷ đồng.

- Tình hình công nợ phải trả: Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2020 là 10.560,8 tỷ đồng (trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 5.735,3 tỷ đồng; nợ phải trả dài hạn là 4.825,5 tỷ đồng). Đối với nợ phải trả ngắn hạn đáng lưu ý là khoản phải trả lãi cho Ngân hàng phát triển Việt Nam là 2.557,5 tỷ đồng, khoản nợ gốc quá hạn lũy kế đến 31/12/2020 chưa trả là 1.481,358 tỷ đồng.

- Khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020 hết sức khó khăn, hệ số thanh toán nợ rất thấp.

Hội đồng quản trị đã ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định để quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, như: quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế mua vật tư, quy định mức dự trữ tồn kho tối đa, tối thiểu vật tư vv... qua đó đã hạn chế và cắt giảm những chi phí không hợp lý.

- Các báo cáo tài chính Quý, 06 tháng, năm đều được công bố thông tin theo đúng quy định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

c) Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng:

Năm 2020 Công ty thực hiện hoàn thành Dự án đầu tư đường ống khí NH₃ liên thông từ dây chuyền NH₃-1 sang dây chuyền NH₃-2 (Hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng 02/02 gói thầu của dự án, bao gồm: Gói thầu số 1 “Cung cấp vật tư, gia công chế tạo, đấu phối lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống đường ống khí NH₃ từ dây chuyền NH₃-1 sang dây chuyền NH₃-2” và gói thầu số 2 “Chụp X-ray mỗi hàn đường ống liên thông); 02 gói thầu trên được Công ty tổ chức lựa chọn nhà thầu với hình thức chào hàng cạnh tranh qua mạng theo quy định Luật Đấu thầu, tiết kiệm 129,3 triệu đồng so với giá gói thầu được phê duyệt.

Ngoài ra Công ty tiếp tục tập trung vào việc giải quyết những tồn tại của Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc; Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư cho dự án cải tạo - mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nêu trên được Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng trước khi thông qua. Hội đồng quản trị chỉ quyết định đầu tư đối với những công trình, dự án thật sự cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chính vì vậy các công trình, dự án khi hoàn thành đưa vào sử dụng đều mang lại hiệu quả kinh tế cao; trình tự, thủ tục thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng do Hội đồng quản trị ban hành.

d) Trong lĩnh vực quản trị nội bộ, tổ chức bộ máy quản lý:

- Về công tác quản trị nội bộ: trong nhiệm kỳ, các quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được rà soát, sửa đổi làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị cũng đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp và sửa đổi; bổ sung Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật. Năm 2020, Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định sau đây:

- + Quy chế lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ;
- + Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- + Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tại Công ty
- + Quy chế lựa chọn đơn vị cung cấp than cho sản xuất;
- + Ban hành định mức dự trữ tồn kho tối đa, tối thiểu năm 2020;

- Về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý: trong nhiệm kỳ, bộ máy quản lý của Công ty tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo hướng tinh gọn hơn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Kết quả cụ thể:

- + Giải thể Nhà Văn hóa, Phân xưởng Phục vụ đời sống và sáp nhập vào Văn phòng Công ty quản lý điều hành;

+ Giải thể Phân xưởng Than phế liệu và sáp nhập vào xưởng Nước quản lý, điều hành;

+ Hợp nhất xưởng Phân ly không khí và xưởng Khí hóa than Shell thành xưởng Tạo khí;

+ Hợp nhất Xưởng NH₃ 1 và NH₃ 2 thành xưởng Tổng hợp Amôniac.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị và Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty đã quyết định hợp nhất Ban Tổ chức Đảng ủy Công ty với Phòng Tổ chức nhân sự; hợp nhất Văn phòng Đảng ủy Công ty với Văn phòng Công ty.

đ) Trong lĩnh vực tổ chức cán bộ, chính sách tiền lương:

- Về công tác tổ chức cán bộ: trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị đã quyết định các nội dung quan trọng liên quan đến công tác cán bộ, như: phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021, bổ nhiệm Tổng giám đốc, bổ nhiệm lại các Phó Tổng giám đốc, bổ nhiệm Kế toán trưởng và người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác. Trình tự, thủ tục được thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế bổ nhiệm cán bộ do Hội đồng quản trị ban hành. Năm 2020, Hội đồng quản trị đã quyết định các nội dung sau đây:

+ Bổ nhiệm ông Lê Anh Tuấn – Phó Trưởng phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty;

+ Bổ nhiệm lại ông Phạm Văn Trung và ông Nguyễn Văn Dũng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty.

+ Rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021.

- Về chính sách tiền lương: Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế tiền lương; rà soát, sửa đổi, bổ sung thang bảng lương Công ty làm cơ sở cho việc chi trả lương và giải quyết chế độ cho người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.

e) Trong lĩnh vực quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác:

- Công tác quản lý phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác được chú trọng. Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác; cử, ủy quyền người đại diện phần vốn của Công ty tham gia Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty để thay mặt Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông góp vốn.

- Hội đồng quản trị đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát theo Quy chế quản lý người đại diện. Thông qua báo cáo của người đại diện, Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết và chỉ đạo cho người đại diện hướng các Công ty đi theo định hướng mà Công ty đã đề ra,

qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn vốn của Công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- Năm 2020, Công ty không phát sinh đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

f) Kết quả thực hiện nhiệm vụ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, như: lựa chọn đơn vị kiểm toán... Năm 2020, Hội đồng quản trị đã quyết định nội dung được ủy quyền sau:

Quyết định chọn Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh (AISC) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Trong các phiên họp HĐQT hay tại các văn bản xin ý kiến thành viên HĐQT thì thành viên HĐQT độc lập đều thể hiện ý kiến riêng, tham gia, góp ý vào các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tạo điều kiện thuận lợi cho SXKD của Công ty.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

1.6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty được đào tạo lớp Giám đốc Doanh nghiệp ngành Hóa chất; các lớp nghiệp vụ do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tổ chức.

2. Ban kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân năm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Hà Xuân Hán Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách	4.900	0	4.900	0,0018
2	Nguyễn Thị Thùy Dương Ủy viên kiêm nhiệm	0	0	0	0
3	Lê Anh Tuấn Ủy viên kiêm nhiệm	3.000	0	3.000	0,0011
	Tổng cộng	7.900	0	7.900	0,0029

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tham gia đóng góp ý kiến vào các nội dung được Hội đồng quản trị đề cập trong chương trình hội nghị. Đồng thời Ban kiểm soát đã cử thành viên tham

gia và đóng góp ý kiến đối với các cuộc họp của Công ty khi có yêu cầu. Nhìn chung Ban kiểm soát đã bám sát các hoạt động của Công ty góp phần đảm bảo hoạt động của tuân thủ pháp luật và mang lại hiệu quả thiết thực.

Trong năm Ban kiểm soát ngoài hoạt động kiểm soát thường xuyên đã tiến hành làm việc tập trung 02 đợt mỗi đợt từ 2 đến 3 ngày để tập trung giải quyết các công việc trọng tâm: Kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2020 và thống nhất báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020; kiểm soát hoạt động và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020; thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Kết quả các Báo cáo đã được trình Hội đồng quản trị của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2020:

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng
1. Thù lao Hội đồng quản trị; lương Ban TGD, CBQL						
1	Hoàng Mạnh Thắng	Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/6/2020		24		24
	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT từ 26/6/2020 đến nay		24		24
2	Nguyễn Đức Ninh	TVHĐQT, Tổng Giám đốc	210,6	36		246,6
3	Phạm Văn Trung	TVHĐQT, Phó TGD	207	80,4		278,4
4	Nguyễn Văn Dũng	TVHĐQT, Phó TGD	207	36		243
5	Nguyễn Phùng Hưng	TV.HĐQT - TP. TCNS	179,3	36		215,3
2. Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát						
1	Hà Xuân Hán	Trưởng ban Kiểm soát	207			207
2	Nguyễn T. Thùy Dương	TV. Ban KS; CV Ban Tài chính TĐHCVN		24		24
3	Lê Anh Tuấn	TV Ban KS; PP.KTCN	157,2	56,4		213,6

* Thù lao trên bao gồm: Thù lao các chức danh kiêm nhiệm HĐQT, kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và thù lao đối với Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại các doanh nghiệp khác.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Theo đúng quy định hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

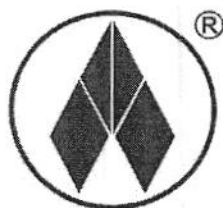
Xem phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Ninh

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tên công ty	Tên địa phương	Ngày sinh	Ngày ký
1	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021
2	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021
3	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021
4	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021
5	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021
6	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021
7	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021
8	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021
9	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021
10	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC	Hà Bắc	1975	15/01/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**



ĐẠM HÀ BẮC

**PHỤ LỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2020**

BẮC GIANG – 2021

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 9 tháng 10 năm 2019.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất và phân bón, cụ thể: phân đạm Urê, NH₃, CO₂, các sản phẩm khí công nghiệp, điện ...

Tên tiếng anh: Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HANICHEMCO.

Mã chứng khoán: DHB.

Trụ sở chính: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Hoàng Mạnh Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25/6/2020)
Ông	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 25/6/2020)
Ông	Nguyễn Đức Ninh	Thành viên
Ông	Phạm Văn Trung	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông	Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông	Hà Xuân Hán	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên
Ông	Lê Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Nguyễn Đức Ninh	Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 14/12/2020)
Ông	Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 14/12/2020)
Ông	Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 24/9/2020)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. Các thông tin khác

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau

Ông Nguyễn Đức Ninh Tổng Giám đốc

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. HCM (“AISC”) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Cam kết

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Ninh

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: B0220030-HN/AISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đã ghi nhận nguyên giá và trích khấu hao tài sản cố định của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017 khi chưa có đầy đủ quyết toán A-B các gói thầu 10, 14, 8 và hợp đồng tư vấn kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng với các nhà thầu và phê duyệt quyết toán hoàn thành của cấp có thẩm quyền. Dẫn đến phát sinh các khoản công nợ liên quan đến nhà thầu nước ngoài và các khoản công nợ khác (xem chi tiết tại thuyết minh số V.3; V.5; V.13; V.16 và VIII.1)

Với các bằng chứng đã thu thập được và các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ trên cũng như các khoản nợ tiềm tàng có thể phát sinh trong tương lai liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2020, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 4.808.102.610.124 đồng, lỗ lũy kế 4.747.011.160.298 đồng dẫn đến vốn góp của chủ sở hữu âm 1.977.396.130.804 đồng. Các nội dung này cho thấy các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

- Tại thuyết minh V.10, Công ty đã tạm hạch toán và trích khấu hao Tài sản cố định hữu hình của Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017.
- Tại thuyết minh IV.9, V.8, Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giãn của các năm 2017, 2018, 2019 trên chi tiêu Chi phí trả trước dài hạn - Mã số 261 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020.

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2021

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÀO TIẾN ĐẠT

Số giấy CNDKHNKT: 0078-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

VŨ KHẮC CHUYỀN

Số giấy CNDKHNKT: 0160-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		927.173.829.309	862.086.659.397
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	221.320.856.530	182.590.074.882
1. Tiền	111		199.721.127.898	161.248.362.138
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.599.728.632	21.341.712.744
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	8.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.000.000.000	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.140.566.103	166.392.520.198
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	126.470.633.753	137.677.355.882
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.179.116.975	13.060.365.968
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	21.835.152.437	20.999.135.410
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.344.337.062)	(5.344.337.062)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	533.315.895.917	500.486.905.821
1. Hàng tồn kho	141		533.315.895.917	500.486.905.821
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.396.510.759	4.617.158.496
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.010.509.393	4.208.902.466
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9b	386.001.366	408.256.030
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.693.357.538.890	8.481.829.263.762
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		740.804.017.963	740.804.017.963
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	740.804.017.963	740.804.017.963
II. Tài sản cố định	220		5.787.231.820.509	6.401.351.947.380
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	5.782.114.047.242	6.394.939.944.581
- Nguyên giá	222		10.016.561.992.127	10.015.448.889.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.234.447.944.885)	(3.620.508.944.819)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5.117.773.267	6.412.002.799
- Nguyên giá	228		13.226.611.293	13.226.611.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.108.838.026)	(6.814.608.494)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	71.418.784.594	88.302.960.203
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		33.552.540	33.552.540
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		71.385.232.054	88.269.407.663
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	17.787.190.069	14.206.365.943
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		17.787.190.069	14.206.365.943
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.076.115.725.755	1.237.163.972.273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.076.115.725.755	1.237.163.972.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.620.531.368.199	9.343.915.923.159

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.597.927.499.003	9.859.188.176.639
I. Nợ ngắn hạn	310		5.735.276.439.433	4.147.215.630.984
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	431.612.016.145	348.473.817.910
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	67.044.878.654	2.542.040.291
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	9.868.209.799	12.853.409.782
4. Phải trả người lao động	314		12.187.363.328	11.844.214.606
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	2.279.072.989	2.608.876.818
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	2.664.468.433.920	1.906.369.811.503
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	2.545.871.470.766	1.860.689.725.242
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.944.993.832	1.833.734.832
II. Nợ dài hạn	330		4.862.651.059.570	5.711.972.545.655
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	99.263.023.572	85.378.911.928
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	4.763.388.035.998	5.626.593.633.727
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(1.977.396.130.804)	(515.272.253.480)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	(1.977.396.130.804)	(515.272.253.480)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		6.018.633.885	6.018.633.885
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.059.551.063	5.481.025.479
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.747.011.160.298)	(3.284.320.632.573)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.285.946.095.423)	(2.646.226.364.133)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.461.065.064.875)	(638.094.268.440)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		35.536.844.546	35.548.719.729
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.620.531.368.199	9.343.915.923.159

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.790.099.907.239	2.909.515.763.798
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.543.350	113.725.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	2.790.090.363.889	2.909.402.038.798
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	3.084.882.435.224	2.568.556.203.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(294.792.071.335)	340.845.835.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	7.664.946.861	63.510.760.007
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	951.424.879.154	867.485.128.561
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		950.576.761.102	840.107.150.993
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.580.824.126	1.709.648.331
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	98.487.434.760	78.700.971.951
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	127.688.710.566	97.953.129.807
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.461.147.324.828)	(638.072.986.533)
12. Thu nhập khác	31	VI.9	3.585.856.700	4.067.540.901
13. Chi phí khác	32	VI.10	2.664.629.006	1.548.835.143
14. Lợi nhuận khác	40		921.227.694	2.518.705.758
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.460.226.097.134)	(635.554.280.775)
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.12	276.118.190	1.481.366.568
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.460.502.215.324)	(637.035.647.343)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1.461.065.064.875)	(638.094.268.440)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		562.849.551	1.058.621.097
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(5.368)	(2.344)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(5.368)	(2.344)

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.460.226.097.134)	(635.554.280.775)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11	756.731.373.634	317.069.758.213
- Các khoản dự phòng	03		0	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.817.837.466)	(214.134.591)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.667.042.270)	(39.693.941.561)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	950.576.761.102	840.107.150.933
- Các khoản điều chỉnh khác	07		0	(3.076.460.848)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		236.597.157.866	478.638.091.371
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		5.550.723.107	178.404.864.978
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(38.084.146.389)	(294.930.920.457)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		175.571.564.445	(1.954.196.905)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		38.466.233.879	(128.253.909)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		(204.842.878.031)	(220.946.207.852)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.681.366.568)	(6.570.295.325)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.510.403.000)	(2.088.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		210.066.885.309	130.424.731.901
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		0	(18.732.867.002)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(8.000.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	36.872.050.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.162.914.242	5.900.885.494
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.162.914.242	16.040.068.492

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.145.200.000.000	844.377.003.962
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.321.506.818.341)	(1.062.756.278.658)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(182.303.800)	(4.465.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(176.489.122.141)	(222.844.774.696)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		38.740.677.410	(76.379.974.303)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		182.590.074.882	258.968.916.818
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.895.762)	1.132.367
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		221.320.856.530	182.590.074.882

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn



Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

4.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp:

4.2. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh CO2	36,00%	36,00%	36,00%

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh CO2	64,56%	64,56%	64,56%

Danh sách các Công ty con không được hợp nhất: Không có.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và các công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) của hoạt động kinh doanh được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng nơi mở tài khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

5.1 Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

5.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động quản lý dự án được trình bày theo giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 về việc “Hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Căn cứ vào thông báo số 947/HCVN-TCKT ngày 24/5/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, cụ thể như sau:

- Năm 2017, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 40% theo phương pháp đường thẳng;

- Năm 2018 và 2019, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 50% theo phương pháp đường thẳng.

Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giãn vào chi tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tạo ra tài sản trong doanh nghiệp được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo hay trang bị kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản,...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh; chi phí khấu hao được giãn,...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng. Riêng lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa được phân bổ 10 năm; chi phí khấu hao được giãn phân bổ 2 năm (đối với các tài sản có thời gian sử dụng nhỏ hơn hoặc bằng 2 năm) và phân bổ theo thời gian sử dụng còn lại (đối với các tài sản có thời gian sử dụng còn lại trên 2 năm).

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay, chi phí khác

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay phải trả đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Phân ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ kế toán.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận. Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các khoản thuế phải nộp Ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

20. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập chung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, doanh thu và chi phí chủ yếu phát sinh ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020	01/01/2020
Tiền	199.721.127.898	161.248.362.138
Tiền mặt	3.302.769.117	2.310.063.162
Tiền gửi ngân hàng	196.418.358.781	158.938.298.976
Các khoản tương đương tiền	21.599.728.632	21.341.712.744
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	21.599.728.632	21.341.712.744
Cộng	221.320.856.530	182.590.074.882

(*): Tại ngày 31/12/2020, số dư các khoản tương đương tiền bao gồm:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị 15.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 4,3%/năm. Hợp đồng tiền gửi này dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng có giá trị 6.599.728.632 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 3%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	8.000.000.000	8.000.000.000

(*): Đây là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 5,3%/năm. Hợp đồng tiền gửi này dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

b. Dài hạn

- Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	36,00%	17.787.190.069	36,00%	14.206.365.943
Cộng	36,00%	17.787.190.069	36,00%	14.206.365.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	126.470.633.753	0	137.677.355.882	0
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	19.521.583.400	0	55.629.356.100	0
Công ty Cổ phần Khoa học kỹ thuật Ngũ Hoàn - Văn phòng điều hành Công trình tại Bắc Giang (*)	54.084.783.360	0	54.084.783.360	0
Khách hàng khác	52.864.266.993	0	27.963.216.422	0
Cộng	126.470.633.753	0	137.677.355.882	0
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	19.521.583.400	0	55.629.356.100	0
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	1.960.731.234		991.106.964	
Cộng	21.482.314.634	0	56.620.463.064	0

(*) Đây là khoản công nợ phải thu nhà thầu liên quan đến hoạt động chạy thử của tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

Toàn bộ công nợ phải thu khách hàng của công ty mẹ được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2019/HĐCVHM/NHCT280-DHB ngày 11/11/2019 của Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	15.179.116.975	0	13.060.365.968	0
Công ty TNHH Hoá chất Dầu khí Động Thiên Nhạc Dương Trung Quốc	10.752.321.397	0	5.066.988.886	0
Công ty TNHH Vật tư và Thương mại Hòa Tấn Nam Ninh Trung Quốc	3.182.002.474	0	4.649.529.209	0
Trả trước cho người bán khác	1.244.793.104	0	3.343.847.873	0
Cộng	15.179.116.975	0	13.060.365.968	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	21.835.152.437	(5.344.337.062)	20.999.135.410	(5.344.337.062)
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội - Giá trị ứng trước san lấp mặt bằng dự án Tái định cư	5.210.337.062	(5.210.337.062)	5.210.337.062	(5.210.337.062)
Phải thu khác liên quan công nợ Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm	4.654.692.143	0	4.654.692.143	0
Phải thu điều chỉnh chi phí đền bù mặt bằng tuyến ống 390, 395	2.701.391.102	0	2.701.391.102	0
Phải thu lãi chậm trả tiền hàng	2.000.000.000	0	245.654.184	0
Phải thu chi phí đầu tư Dự án tái định cư	1.922.846.560	0	1.922.846.560	0
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	0	1.000.000.000	0
Phải thu khác	5.345.885.570	(134.000.000)	5.264.214.359	(134.000.000)
Cộng	21.835.152.437	(5.344.337.062)	20.999.135.410	(5.344.337.062)
b. Dài hạn				
Phải thu nhà thầu EPC gói 8 - Dự án Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc (*)	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0
Cộng	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0

(*): Giá trị điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc (Xem thêm thuyết minh V.10)

6. Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội	5.210.337.062	0	5.210.337.062	0
UBND Phường Trần Nguyên Hãn	134.000.000	0	134.000.000	0
Cộng	5.344.337.062	0	5.344.337.062	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***7. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	282.050.400.458	0	283.176.471.707	0
Công cụ, dụng cụ	578.090.027	0	565.303.346	0
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.813.555.687	0	27.850.696.558	0
Thành phẩm	237.873.849.745	0	188.894.434.210	0
Cộng	533.315.895.917	0	500.486.905.821	0

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty mẹ được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2019/HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 11/11/2019 của Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

8. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngắn hạn	6.010.509.393	4.208.902.466
Chi phí bảo hiểm	4.818.209.764	3.334.408.511
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.192.299.629	874.493.955
b. Dài hạn	1.076.115.725.755	1.237.163.972.273
Chi phí sửa chữa lớn	45.298.702.988	46.987.297.414
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	94.176.750.142	113.012.100.170
Tiền thuê đất (*)	59.160.578.298	61.014.450.339
Khấu hao TSCĐ được giãn theo Thông báo số 947/HCVN-TCKT	874.029.755.193	1.015.527.899.229
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.449.939.134	622.225.121
Cộng (a+b)	1.082.126.235.148	1.241.372.874.739

(*) Theo Thông báo số 163/TB-STC ngày 07/08/2015 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang và các văn bản xác định tiền thuê đất được bù trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, các khoản được trừ vào tiền thuê đất hàng năm dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc tại thôn Hương Mãn - xã Xuân Hương - huyện Lạng Giang, 02 lô đất tại khu vực phường Thọ Xương - Tp Bắc Giang đến năm 2058 được bù trừ vào tiền thuê đất hàng năm với tổng số tiền là 65.613.266.507 đồng. Tại thời điểm 31/12/2020, số tiền GPMB được bù trừ với số tiền thuê đất của dự án là 59.160.578.298 đồng.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
a. Phải nộp				
Thuế GTGT	10.163.907.139	22.825.491.100	23.957.198.879	9.032.199.360
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	5.039.280	3.056.730.912	3.061.770.192	0
Thuế xuất, nhập khẩu	0	1.789.050.615	1.789.050.615	0
Thuế TNDN	1.331.366.568	202.236.380	1.533.602.948	0
Thuế TNCN	17.283.395	163.614.705	173.839.161	7.058.939
Thuế tài nguyên	103.284.000	1.437.232.050	1.437.538.050	102.978.000
Thuế môn bài	0	6.000.000	6.000.000	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.232.529.400	8.595.995.525	9.102.551.425	725.973.500
Cộng	12.853.409.782	35.013.620.375	37.993.781.078	9.868.209.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
b. Phải thu	408.256.030	170.018.284	147.763.620	386.001.366
Thuế TNDN	0	73.881.810	147.763.620	73.881.810
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	408.256.030	96.136.474	0	312.119.556
Cộng	408.256.030	170.018.284	147.763.620	386.001.366

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương

thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá (*)					
Số dư đầu năm	2.057.039.914.438	7.925.765.639.033	32.441.526.838	201.809.091	10.015.448.889.400
Tăng do XDCB hoàn thành	0	1.113.102.727	0	0	1.113.102.727
Số dư cuối năm	2.057.039.914.438	7.926.878.741.760	32.441.526.838	201.809.091	10.016.561.992.127
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	627.087.704.408	2.968.361.052.525	24.880.570.779	179.617.107	3.620.508.944.819
Khấu hao trong năm	92.294.006.745	518.350.866.459	3.287.786.530	6.340.332	613.939.000.066
Số dư cuối năm	719.381.711.153	3.486.711.918.984	28.168.357.309	185.957.439	4.234.447.944.885
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.429.952.210.030	4.957.404.586.508	7.560.956.059	22.191.984	6.394.939.944.581
Số dư cuối năm	1.337.658.203.285	4.440.166.822.776	4.273.169.529	15.851.652	5.782.114.047.242

(*) Nguyên giá đầu kỳ của tài sản cố định bao gồm giá trị của các tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Dự án này đã được hạch toán tạm tăng tài sản cố định từ tháng 4 năm 2015 với tổng nguyên giá 9.578.015.411.146 đồng. Năm 2017, căn cứ theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập ngày 01/12/2017, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm 731.345.834.964 đồng nguyên giá tài sản cố định hình thành từ dự án này, nguyên giá mới được xác định là 8.846.669.576.182 đồng và tạm trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá mới. Giá trị cắt giảm chủ yếu liên quan đến phần vật tư, thiết bị của gói thầu 8 do Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Ngũ Hoàn thực hiện nên Công ty tạm ghi nhận khoản phải thu với nhà thầu. Hiện nay, Công ty đang chờ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành từ cấp có thẩm quyền.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.865.797.813.461 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 931.061.414.855 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không sử dụng chờ thanh lý 512.087.070 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Số dư cuối năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.814.608.494	6.814.608.494
Khấu hao trong năm	1.294.229.532	1.294.229.532
Số dư cuối năm	8.108.838.026	8.108.838.026
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	6.412.002.799	6.412.002.799
Số dư cuối năm	5.117.773.267	5.117.773.267

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.872.775.000 đồng.

12. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	33.552.540	33.552.540
Nghiên cứu thực hiện đề tài CA	33.552.540	33.552.540
b. Xây dựng cơ bản dở dang	71.385.232.054	88.269.407.663
Dự án tái định cư (*)	71.385.232.054	70.335.280.511
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	0	17.934.127.152
Cộng (a+b)	71.418.784.594	88.302.960.203

(*) Dự án được đầu tư bởi Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc với tổng mức đầu tư 87 tỷ đồng tại phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Nguồn vốn thực hiện từ thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, Công ty ứng vốn trước để thực hiện. Mục đích của dự án là tái định cư cho người dân nằm trong dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Đến nay, dự án đã cơ bản hoàn thành và đang trong giai đoạn chờ quyết toán.

13. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	431.612.016.145	431.612.016.145	348.473.817.910	348.473.817.910
Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Kỹ thuật Ngũ Hoàn (*)	214.317.429.703	214.317.429.703	214.428.129.067	214.428.129.067
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	70.430.156.920	70.430.156.920	81.272.101.892	81.272.101.892
Công ty Cổ phần Than Sông Hồng	60.341.057.964	60.341.057.964	0	0
Phải trả nhà cung cấp khác liên quan Dự án Cải tạo mở rộng Nhà máy đạm	6.749.464.777	6.749.464.777	6.749.464.777	6.749.464.777
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	1.424.350.400	1.424.350.400	0	0
Các nhà cung cấp khác	78.349.556.381	78.349.556.381	46.024.122.174	46.024.122.174
Cộng	431.612.016.145	431.612.016.145	348.473.817.910	348.473.817.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Phải trả người bán (tiếp theo)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	1.797.767.400	1.797.767.400	0	0
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	1.424.350.400	1.424.350.400	0	0
Cộng	3.222.117.800	3.222.117.800	0	0

(*) Đây là khoản công nợ phải trả nhà thầu liên quan đến dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hóa chất Hà Bắc.

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	a. Ngắn hạn	67.044.878.654
Công ty TNHH Thương mại Thủy Ngân	17.500.400.000	0
Công ty TNHH Thương mại Tuấn Tú	16.871.423.365	0
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	12.426.020.000	6.418.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại tổng hợp Thanh Sơn	11.045.272.915	0
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Ngọc	520.150.000	675.537.877
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	1.400.000	0
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam - Chi nhánh phân bón - Hóa chất	0	22.500.000
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bắc Giang	0	467.400.000
Các khách hàng khác	8.680.212.374	1.370.184.414
Cộng	67.044.878.654	2.542.040.291
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	12.426.020.000	6.418.000
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	1.400.000	0
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam - Chi nhánh phân bón - Hóa chất	0	22.500.000
Cộng	12.427.420.000	28.918.000

15. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	a. Ngắn hạn	2.279.072.989
Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	81.054.000	33.378.000
Chi phí lãi vay phải trả	1.953.510.189	1.771.621.818
Chi phí trích trước khác	244.508.800	803.877.000
Cộng	2.279.072.989	2.608.876.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. Phải trả khác**

	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngắn hạn	2.664.468.433.920	1.906.369.811.503
Kinh phí công đoàn	1.014.922.665	702.875.973
Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
Nhận cầm cố, ký quỹ ngắn hạn	84.750.000	0
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bắc Giang	2.557.540.010.306	1.811.988.015.606
Lợi nhuận còn lại năm 2014 phải trả Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	45.000.000.000	45.000.000.000
Vật tư đã nhập kho chưa thanh toán	16.513.821.897	5.348.036.672
Phải trả chi phí dự án tái định cư (*)	1.911.956.217	1.911.956.217
Các khoản phải trả liên quan phần tự quyết toán dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	35.151.624.197	35.151.624.197
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.251.199.932	6.267.154.132
b. Dài hạn	99.263.023.572	85.378.911.928
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	32.453.223.572	18.569.111.928
Thu tiền sử dụng đất dự án Tái định cư (*)	66.809.800.000	66.809.800.000
Cộng (a+b)	2.763.731.457.492	1.991.748.723.431
c. Phải trả khác là bên liên quan		
Lợi nhuận còn lại năm 2014 phải trả Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	45.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

(*) : Thu tiền để thực hiện công trình cho công trình tái định cư cho Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc;

- Nguồn thu trên để thực hiện chi trả chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giá trị theo dõi trên Chỉ tiêu xây dựng cơ bản dở dang khoảng 71,4 tỷ đồng; phải thu khác khoảng 1,9 tỷ đồng. Các khoản chênh lệch thu/chi sẽ quyết toán với Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BÁC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyễn Hân, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN /HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

	Trong năm				Đơn vị tính: đồng	
	31-12-2020	01/01/2020				
17. Vay và nợ thuê tài chính	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	2.545.871.470.766	2.545.871.470.766	1.981.245.470.766	1.296.063.725.242	1.860.689.725.242	1.860.689.725.242
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	2.545.871.470.766	2.545.871.470.766	1.981.245.470.766	1.296.063.725.242	1.860.689.725.242	1.860.689.725.242
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)	228.300.000.000	228.300.000.000	1.145.200.000.000	1.284.700.000.000	367.800.000.000	367.800.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.317.571.470.766	2.317.571.470.766	836.045.470.766	11.363.725.242	1.492.889.725.242	1.492.889.725.242
Cộng	2.545.871.470.766	2.545.871.470.766	1.981.245.470.766	1.296.063.725.242	1.860.689.725.242	1.860.689.725.242
b. Vay dài hạn	4.763.388.035.998	4.763.388.035.998	-836.030.902.026	27.174.695.703	5.626.593.633.727	5.626.593.633.727
<i>Vay ngắn hạn dài hạn</i>	4.763.375.545.998	4.763.375.545.998	-836.030.902.026	27.174.695.703	5.626.581.143.727	5.626.581.143.727
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (2)	2.685.424.874.094	2.685.424.874.094	0	19.296.201.594	2.704.721.075.688	2.704.721.075.688
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (3)	594.096.468.115	594.096.468.115	0	3.465.471.383	597.561.939.498	597.561.939.498
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN ngân hàng phát triển Bắc Giang (4)	3.764.268.000.000	3.764.268.000.000	0	7.000.000.000	3.771.268.000.000	3.771.268.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (5)	18.199.284.095	18.199.284.095	0	4.299.990.768	22.499.274.863	22.499.274.863
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang (6)	18.958.390.460	18.958.390.460	14.568.740	4.476.757.200	23.420.578.920	23.420.578.920
Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.317.571.470.766)	(2.317.571.470.766)	(836.045.470.766)	(11.363.725.242)	(1.492.889.725.242)	(1.492.889.725.242)
<i>Vay cá nhân dài hạn</i>	12.490.000	12.490.000	0	0	12.490.000	12.490.000
Vay cán bộ nhân viên	12.490.000	12.490.000	0	0	12.490.000	12.490.000
Cộng (a+b)	7.309.259.506.764	7.309.259.506.764	1.145.214.568.740	1.323.238.420.945	7.487.283.358.969	7.487.283.358.969

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN /HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**Thuyết minh các khoản vay ngân hàng**

Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại 31/12/2020	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)						
Hợp đồng số 01/2019/HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 11/11/2019	Từ 11/11/2019 đến 31/8/2020	5,9%/năm	380.000.000.000	228.300.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đạm U rê, Amoniac, CO2	Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty, địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, Tp Bắc Giang và công nợ phải thu khách hàng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (2)						
Hợp đồng tín dụng số 01.68/HĐTD ngày 06/8/2010	Đến năm 2031	5,5%/năm	192 triệu USD	115.676.281,46 USD 2.685.424.874.094	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VND</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (3)						
Hợp đồng tín dụng số 02.68/HĐTD ngày 06/8/2010	Đến năm 2031	5,5%/năm	30 triệu USD	25.591.060,44 USD 594.096.468.115	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VND</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN ngân hàng phát triển Bắc Giang (4)						
Hợp đồng tín dụng số 45/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 11/9/2008	Đến năm 2023	Lãi suất bình quân 10,78%/năm	4.125.000.000.000	3.764.268.000.000	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (5)						
Hợp đồng tín dụng số 0001-018- 01/HĐTD ngày 15/7/2010	26/9/2024	7%/năm		784.621 USD 18.199.284.095	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	Tài sản được hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VND</i>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang (6)						
Hợp đồng tín dụng số 01/10/ĐTDA/BG ngày 15/7/2010	26/9/2024	6,5%/năm		816.644 USD 18.958.390.460	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	Tài sản được hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VND</i>						

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương

thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Chênh lệch đánh giá lại TS	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	2.722.000.000.000	6.018.633.885	3.551.591.133	-2.642.731.716.458	39.598.063.585	128.436.572.145
Lợi nhuận trong năm	0	0	0	(638.094.268.440)	1.058.621.097	(637.035.647.343)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	0	0	1.929.434.346	(3.494.647.675)	(5.107.964.953)	(6.673.178.282)
Số dư cuối năm trước	2.722.000.000.000	6.018.633.885	5.481.025.479	(3.284.320.632.573)	35.548.719.729	(515.272.253.480)
Số dư đầu năm này	2.722.000.000.000	6.018.633.885	5.481.025.479	(3.284.320.632.573)	35.548.719.729	(515.272.253.480)
Lợi nhuận trong năm	0	0	0	(1.461.065.064.875)	562.849.551	(1.460.502.215.324)
Phân phối lợi nhuận	0	0	578.525.584	(1.625.462.850)	(574.724.734)	(1.621.662.000)
Số dư cuối năm nay	2.722.000.000.000	6.018.633.885	6.059.551.063	(4.747.011.160.298)	35.536.844.546	(1.977.396.130.804)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2020	01/01/2020
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	97,66%	2.658.310.000.000	2.658.310.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	2,34%	63.690.000.000	63.690.000.000
Cộng	100,00%	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	0	0
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	0	0
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	272.200.000	2.999.989
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	272.200.000	2.999.989
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	272.200.000	2.999.989
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	272.200.000	2.999.989
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	272.200.000	2.999.989
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020	01/01/2020
Quỹ đầu tư phát triển	6.059.551.063	5.481.025.479
Cộng	6.059.551.063	5.481.025.479

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty hoặc bổ sung vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Công ty mẹ ký các hợp đồng thuê đất tại phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2007 đến 2058. Diện tích khu đất thuê là 85,51811 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Tài sản nhận giữ hộ

Tại 31/12/2020, Công ty mẹ nhận giữ hộ thành phẩm U rê Hà Bắc do công ty sản xuất đã bán cho khách hàng theo quy cách nguyên bao. Sản phẩm đóng trong bao 02 lớp (PP +PE), quy cách 50kg/bao, chất lượng sản phẩm đạt theo tiêu chuẩn sản xuất của Công ty. Tổng số lượng là 2.498.100 kg.

c. Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
USD	74.940,14	77.390,08
Cộng	74.940,14	77.390,08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	2.790.099.907.239	2.909.515.763.798
Cộng	2.790.099.907.239	2.909.515.763.798

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Giảm giá hàng bán	9.543.350	113.725.000
Cộng	9.543.350	113.725.000

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	2.790.090.363.889	2.909.402.038.798
Cộng	2.790.090.363.889	2.909.402.038.798

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn bán sản phẩm, hàng hóa	2.942.181.529.539	2.396.732.139.732
Thuế GTGT không được khấu trừ	142.700.905.685	171.824.063.618
Cộng	3.084.882.435.224	2.568.556.203.350

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.626.594.144	3.213.809.353
Lãi bán các khoản đầu tư	0	32.608.218.877
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.459.624.000	2.162.265.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	737.744.251	0
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.817.837.466	25.022.530.843
Doanh thu hoạt động tài chính khác	23.147.000	503.935.934
Cộng	7.664.946.861	63.510.760.007

6. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền vay	950.576.761.102	840.107.150.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	848.118.052	406.266.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	0	24.808.396.252
Chiết khấu thanh toán	0	2.163.315.000
Cộng	951.424.879.154	867.485.128.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***7. Chi phí bán hàng**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên	320.614.217	267.438.459
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.669.241	412.840.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	0	30.694.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài (vận chuyển, quảng cáo...)	96.993.861.902	76.654.347.185
Chi phí bằng tiền khác	766.289.400	1.335.651.300
Cộng	98.487.434.760	78.700.971.951

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên	34.918.793.796	32.796.436.032
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.841.141.901	3.079.891.117
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.184.476.908	12.195.808.731
Thuế, phí, lệ phí	8.483.484.267	5.967.597.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.189.285.458	4.114.509.447
Chi phí bằng tiền khác	42.071.528.236	39.798.886.515
Cộng	127.688.710.566	97.953.129.807

9. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi chậm trả tiền hàng	2.585.190.263	0
Thu tiền cho thuê tài sản	712.658.139	245.684.544
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	0	3.076.460.848
Thu nhập khác	288.008.298	745.395.509
Cộng	3.585.856.700	4.067.540.901

10. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.356.963.236	1.296.137.688
Các khoản khác	307.665.770	252.697.455
Cộng	2.664.629.006	1.548.835.143

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.850.909.139.475	2.056.189.722.426
Chi phí nhân công	177.279.005.921	148.997.473.068
Chi phí khấu hao tài sản cố định	754.374.410.398	317.069.758.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.476.940.573	312.383.193.598
Chi phí khác bằng tiền khác	248.524.841.999	106.809.877.904
Cộng	3.352.564.338.366	2.941.450.025.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020	Năm 2019
1. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	276.118.190	1.481.366.568
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ</i>	0	705.231.641
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con</i>	276.118.190	776.134.927
2. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	276.118.190	1.481.366.568

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.461.065.064.875)	(638.094.268.440)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.461.065.064.875)	(638.094.268.440)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	0	0
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	272.200.000	272.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.368)	(2.344)

14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.461.065.064.875)	(638.094.268.440)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.461.065.064.875)	(638.094.268.440)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	0	0
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	272.200.000	272.200.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(5.368)	(2.344)

15. Công cụ tài chính**Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

15.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***15.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

15.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Đơn vị tính: đồng</i>			
Tại ngày 31/12/2020	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	2.545.871.470.766	4.763.388.035.998	7.309.259.506.764
Phải trả người bán	431.612.016.145	0	431.612.016.145
Phải trả ngắn hạn khác	96.335.995.984	0	96.335.995.984
Chi phí phải trả	2.279.072.989	0	2.279.072.989
Phải trả dài hạn khác	0	32.453.223.572	32.453.223.572
Cộng	3.076.098.555.884	4.795.841.259.570	7.871.939.815.454
Tại ngày 01/01/2020	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	1.860.689.725.242	5.626.593.633.727	7.487.283.358.969
Phải trả người bán	348.473.817.910	0	348.473.817.910
Phải trả ngắn hạn khác	82.763.931.032	0	82.763.931.032
Chi phí phải trả	2.608.876.818	0	2.608.876.818
Phải trả dài hạn khác	0	18.569.111.928	18.569.111.928
Cộng	2.294.536.351.002	5.645.162.745.655	7.939.699.096.657

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thanh toán các khoản công nợ đáo hạn vòng 12 tháng.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyễn Hân, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nội dung	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	31/12/2020		01/01/2020		31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính								
- Tiền và các khoản tương đương tiền	221.320.856.530	0	182.590.074.882	0	221.320.856.530	0	182.590.074.882	
- Phải thu khách hàng	126.470.633.753	0	137.677.355.882	0	126.470.633.753	0	137.677.355.882	
- Phải thu khác	760.716.323.840	(5.344.337.062)	759.880.306.813	(5.344.337.062)	755.371.986.778	(5.344.337.062)	754.535.969.751	
TỔNG CỘNG	1.108.507.814.123	(5.344.337.062)	1.080.147.737.577	(5.344.337.062)	1.103.163.477.061	(5.344.337.062)	1.074.803.400.515	
Nợ phải trả tài chính								
- Vay và nợ	7.309.259.506.764	0	7.487.283.358.969	0	7.309.259.506.764	0	7.487.283.358.969	
- Phải trả người bán	431.612.016.145	0	348.473.817.910	0	431.612.016.145	0	348.473.817.910	
- Phải trả ngắn hạn khác	96.335.995.984	0	82.763.931.032	0	96.335.995.984	0	82.763.931.032	
- Chi phí phải trả	2.279.072.989	0	2.608.876.818	0	2.279.072.989	0	2.608.876.818	
- Phải trả dài hạn khác	32.453.223.572	0	18.569.111.928	0	32.453.223.572	0	18.569.111.928	
TỔNG CỘNG	7.871.939.815.454	0	7.939.699.096.657	0	7.871.939.815.454	0	7.939.699.096.657	

Đơn vị tính: đồng

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này sau khi trừ phần dự phòng có khả năng không thu hồi được cho các phần nói trên do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh.
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.145.200.000.000	844.377.003.962
Cộng	1.145.200.000.000	844.377.003.962

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.321.506.818.341	1.062.756.278.658
Cộng	1.321.506.818.341	1.062.756.278.658

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Công ty đã, đang làm việc với Nhà thầu EPC gói 8 - Thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp vận hành bàn giao nhà máy để quyết toán bổ sung Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc nên có thể phát sinh các khoản công nợ phải thu, phải trả với Nhà thầu và các bên có liên quan khác trong tương lai.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1 Đơn vị sở hữu vốn

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là đơn vị sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số dư tại ngày 01/01/2020	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại ngày 31/12/2020
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	2.658.310.000.000	0	0	2.658.310.000.000
Góp vốn	2.658.310.000.000	0	0	2.658.310.000.000

2.2 Công ty liên kết

Nội dung	Số dư tại ngày 01/01/2020	Số dư tại ngày 31/12/2020
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc		
Góp vốn		
- Giá trị xác định theo vốn chủ sở hữu	14.206.365.943	17.787.190.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2.3 Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	Lợi nhuận còn lại năm 2014	0	(45.000.000.000)
Công ty CP DAP - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	1.498.600.000	(1.400.000)
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	316.255.131.700	19.521.583.400
		Lãi chậm trả tiền hàng	2.585.190.263	2.000.000.000
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	Bán hàng	21.370.400.972	1.960.731.234
		Nhận cổ tức	3.459.624.000	0
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam - Chi nhánh phân bón - Hóa chất	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	2.365.864.800	0
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ	Mua hàng	1.634.334.000	(1.797.767.400)
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	Mua hóa chất	16.961.619.000	(1.424.350.400)
Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	6.030.398.000	(12.426.020.000)

2.4 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm 2020 là(đ): 2.181.024.055

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, doanh thu và chi phí chủ yếu phát sinh ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2020 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và năm 2019 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Khoản lỗ lũy kế kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015) số tiền 669.733.694.565 đồng được bàn giao sang Công ty cổ phần theo nội dung tại Bản công bố thông tin bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Quyết định số 15/QĐ-HCVN ngày 06/01/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

Tại thời điểm 31/12/2020, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 4.808.102.610.124 đồng, lỗ lũy kế 4.747.011.160.298 đồng dẫn đến vốn góp của chủ sở hữu âm 1.977.396.130.804 đồng. Các nội dung này cho thấy các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Ninh